

# CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 10.1



SÔNG ĐÀ 10.1

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000040  
do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp ngày 20 tháng 07 năm 2004)

## ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TẠI TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

**Tên cổ phiếu:** Cổ phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà 10.1

**Mệnh giá:** 10.000 VND (Mười nghìn đồng)/cổ phiếu

**Tổng số lượng đăng ký:** 1.900.000 (Một triệu chín trăm ngàn) cổ phiếu

**Tổng giá trị đăng ký:** 19.000.000.000 VND (Mười chín tỷ đồng)

### TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

**Công ty TNHH kiểm toán Hồng Hà**

**Trụ sở chính:** 72 An Dương - Tây Hồ - Hà Nội

**Điện thoại:** (84-4) 8 239 118

**Fax:** (84-4) 7 171 086

### TỔ CHỨC TƯ VẤN

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Trụ sở Chính:** 9 Lê Ngô Cát, Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

**Điện thoại:** (84-8) 9 302 428

**Fax:** (84-8) 9 302 423

**Chi nhánh Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Địa chỉ:** 95-97 Trần Quốc Toản, P. Trần Hưng Đạo, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

**Điện thoại:** (84-4) 9 429 396

**Fax:** (84-4) 9 429 408

## MỤC LỤC

<b>I.</b>	<b>NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....</b>	<b>4</b>
1.	Tổ chức đăng ký.....	4
2.	Tổ chức tư vấn.....	4
<b>II.</b>	<b>CÁC KHÁI NIỆM.....</b>	<b>4</b>
<b>III.</b>	<b>TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ.....</b>	<b>5</b>
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	5
2.	Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ.....	13
3.	Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức xin đăng ký, những công ty mà tổ chức đăng ký đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký.....	14
4.	Hoạt động kinh doanh.....	14
5.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2005 và 06 tháng đầu năm 2006.....	23
6.	Hội đồng quản trị, ban Tổng Giám đốc, ban kiểm soát.....	30
7.	Tài sản.....	44
8.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	48
9.	Các căn cứ để đạt được kế hoạch và lợi nhuận.....	49
10.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận.....	50
11.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức xin đăng ký.	52
12.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng tới tổ chức xin đăng ký .....	52
<b>IV.</b>	<b>CỔ PHIẾU ĐĂNG KÝ.....</b>	<b>52</b>
1.	Loại cổ phiếu.....	52
2.	Mệnh giá.....	52
3.	Tổng số chứng khoán.....	52
4.	Phương pháp tính giá.....	52

---

5.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	53
6.	Các loại thuế có liên quan.....	53
<b>V.</b>	<b>CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ.....</b>	<b>54</b>
1.	Tổ chức tư vấn.....	54
2.	Tổ chức kiểm toán.....	54
<b>VI.</b>	<b>CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....</b>	<b>54</b>
1.	Rủi ro về kinh tế.....	54
2.	Rủi ro về pháp luật.....	54
3.	Rủi ro đặc thù.....	55
4.	Rủi ro khác.....	55
<b>VII.</b>	<b>PHỤ LỤC.....</b>	<b>57</b>

## I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

### 1. TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ- CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 10.1

Ông **TRẦN NGỌC LAN** Chức vụ: **Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Ông **VŨ VĂN TÁNH** Chức vụ: **Giám đốc**

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

### 2. TỔ CHỨC TƯ VẤN- CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB CHI NHÁNH HÀ NỘI

Đại diện theo pháp luật: **Ông Phạm Tuấn Long**

Chức vụ: **Giám đốc Chi nhánh Hà Nội**

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ xin đăng ký giao dịch cổ phiếu do Công ty TNHH Chứng khoán ACB tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Sông Đà 10.1. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Sông Đà 10.1 cung cấp.

## II. CÁC KHÁI NIỆM

- |  |   |
|--|---|
| • <b>Công ty</b>                       | Công ty Cổ phần Sông Đà 10.1                              |
| • <b>Tổ chức xin đăng ký giao dịch</b> | Công ty Cổ phần Sông Đà 10.1                              |
| • <b>ĐHĐCĐ</b>                         | Đại hội đồng cổ đông                                      |
| • <b>HĐQT</b>                          | Hội đồng quản trị   |
| • <b>TSCĐ</b>                          | Tài sản cố định   |
| • <b>Cổ phiếu</b>                      | Cổ phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà 10.1                     |
| • <b>Điều lệ</b>                       | Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Sông Đà 10.1 |
| • <b>TTGDCK</b>                        | Trung tâm giao dịch Chứng khoán Hà Nội                    |

---

### III. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ

#### 1. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

##### 1.1. Quá trình hình thành và phát triển

- Công ty Cổ phần Sông Đà 10.1 là đơn vị thành viên của Công ty Sông Đà 10 - Tổng Công ty Sông Đà. Tiền thân là Xí nghiệp Hầm 1 thuộc Công ty Xây dựng Công trình Ngầm Sông Đà 10 - Tổng Công ty Xây dựng Sông Đà.
- Theo quyết định số 16 TCT/TCLĐ ngày 25/08/2000 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Xây dựng Sông Đà, Xí nghiệp đổi tên thành Chi nhánh Công ty Sông Đà 10 tại Tây Nguyên. Ngày 15/11/2002, theo Quyết định số 33/TCT/TCĐT của Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Sông Đà, Chi nhánh đổi tên thành Xí nghiệp Sông Đà 10.1.
- Thực hiện chủ trương của Đảng và Chính phủ trong việc sắp xếp, đổi mới và nâng cao năng lực cạnh tranh hệ thống doanh nghiệp Nhà nước, ngày 22 tháng 6 năm 2004, theo Quyết định số 979/QĐ-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Xí nghiệp Sông Đà 10.1 đổi tên thành Công ty Cổ phần Sông Đà 10.1.
- Sau một thời gian tiến hành công tác cổ phần hóa doanh nghiệp, ngày 20 tháng 7 năm 2004, Công ty Cổ phần Sông Đà 10.1 đã chính thức đi vào hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 39 03 000040 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp.
- Trong quá trình hoạt động, Công ty Cổ phần Sông Đà 10.1 đã tham gia thi công xây dựng các hạng mục công trình ngầm, khoan nổ mìn bằng và hố móng công trình, khoan phun gia cố và xử lý nền móng tại các công trình xây dựng lớn của Quốc gia như hạng mục hầm dẫn nước nhà máy thủy điện Hoà Bình, hạng mục hầm dẫn nước nhà máy thủy điện Yaly, nhà máy thủy điện Sông Hinh; Thi công khoan nổ mìn kênh dẫn dòng, hố móng nhà máy, khoan phun gia cố nhà máy thủy điện SêSan 3, 3A, Plêikrông; Thi công tổ hợp công trình ngầm thủy điện Đồng Nai 4, Krôngkma... Công ty luôn đảm bảo yêu cầu cao về kỹ thuật và tiến độ công trình, do vậy uy tín của Công ty ngày càng được nâng cao và khẳng định trên thị trường trong nước.

## 1.2. Một số thông tin cơ bản về Công ty

Tên công ty:	<b>CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 10.1</b>
Tên tiếng Anh:	<b>SONG DA N<sup>o</sup> 10.1 JOINT STOCK COMPANY</b>
Tên viết tắt:	<b>SONG DA 10.1 ., JSC</b>
Trụ sở :	Công trình Thủy điện Sê San 3, xã Iamơnong, huyện Chưpảh, tỉnh Gia Lai.
Điện thoại:	(059) 7 16846
Fax:	(04) 7 16845

Logo



SÔNG ĐÀ 10.1

## 1.3. Ngành nghề kinh doanh

Sau khi chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần, Công ty đã đăng ký hoạt động kinh doanh trong những ngành nghề sau đây :

- Xây dựng công trình thủy điện, thủy lợi, giao thông;
- Xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng, trang trí nội thất;
- Sản xuất, kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông ;
- Gia công cơ khí, sửa chữa ô tô, xe máy ;
- Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị phụ tùng công trình ngầm và công nghệ xây dựng ;
- Kinh doanh và xuất nhập khẩu các phương tiện vận tải công trình ngầm chuyên dùng chở hàng hoá, vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng trong thi công xây dựng và phục vụ xây dựng có trọng tải đến 40 tấn;
- Đầu tư xây lắp các công trình thủy điện vừa và nhỏ, kinh doanh điện thương phẩm./.

## 1.4. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 3903000040 ngày 20 tháng 07 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 20 tháng 7 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 02 tháng 11 năm

2006 vốn điều lệ của Công ty là **19.000.000.000 đồng (Mười chín tỷ đồng)**, tương ứng với số lượng cổ phần là 1.900.000 Cổ phần (mệnh giá một Cổ phần là 10.000 đồng). Cơ cấu vốn điều lệ tại thời điểm 25 tháng 10 năm 2006 như sau :

**Cơ cấu vốn điều lệ :**

<b>TT</b>	<b>Cổ đông</b>	<b>Số lượng Cổ phần</b>	<b>Tỷ lệ</b>
<b><u>I</u></b>	<b><u>Cổ đông pháp nhân</u></b>	<b><u>121.000</u></b>	<b><u>63,68%</u></b>
	Công ty Cổ phần Sông Đà 10	121.000	63,68%
<b><u>II</u></b>	<b><u>Cổ đông thể nhân</u></b>	<b><u>69.000</u></b>	<b><u>36.32%</u></b>
1	Cổ đông trong Công ty	54.794	28.84%
2	Cổ đông ngoài Công ty	14.206	7,48%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>190.000</b>	<b>100%</b>

( Nguồn : Công ty cổ phần Sông Đà 10.1)

### **1.5. Bộ máy tổ chức**

Công ty Cổ phần Sông Đà 10.1 được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan. Bộ máy tổ chức của Công ty Cổ phần Sông Đà 10.1, bao gồm :

#### **• Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, họp ít nhất mỗi năm một lần. ĐHĐCĐ quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty định. ĐHĐCĐ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, bầu miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát của Công ty...

#### **• Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của

Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị của Công ty có 05 thành viên, mỗi nhiệm kỳ tối đa của từng thành viên là 05 năm. Chủ tịch Hội đồng quản trị do HĐQT bầu ra.

• **Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát là cơ quan có chức năng hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra và thay mặt ĐHĐCĐ giám sát mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, báo cáo trực tiếp ĐHĐCĐ. Ban kiểm soát của Công ty có 03 thành viên.

• **Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Sông Đà 10.1 gồm có 06 thành viên, trong đó có Tổng Giám đốc và 05 Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc là người điều hành và chịu trách nhiệm về mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ, quyết định của HĐQT, Điều lệ công ty. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Công ty có 5 phòng nghiệp vụ và 17 đội sản xuất cụ thể như sau:

• **Các Phòng ban trong Công ty:**

- Phòng Tổ chức Hành chính.
- Phòng Kinh tế - Kế hoạch.
- Phòng Kỹ thuật - Chất lượng.
- Phòng Tài chính - Kế toán.
- Phòng Quản lý Vật tư - Cơ giới

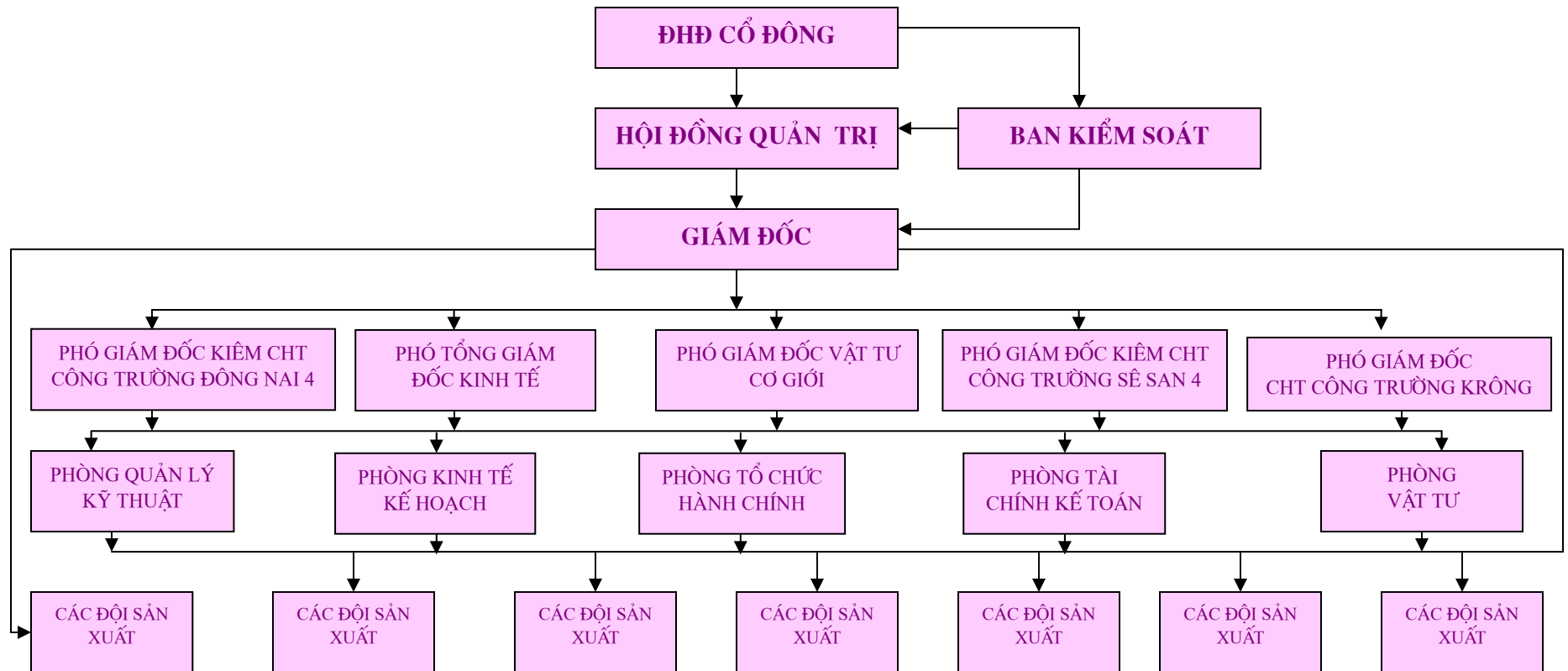
• **Các đội sản xuất trực thuộc:**

- 03 đội Bê tông: Có nhiệm vụ chính là đổ bê tông các hạng mục công trình của nhà máy thủy điện Yaly, Sê San 3, Sê San 4, Pleikrông, Đồng Nai 4, An Khê 0 Ka Nak, Krông Kma, Cửa Đạt.
- 06 đội Khoan: Có nhiệm vụ chính là khoan nổ hử, thi công mặt bằng, khoan nổ sử lý và khoan hầm các hạng mục công trình nhà máy thủy điện Yaly, Sê San 3, Sê San 4, Pleikrông, Đồng Nai 4, An Khê - Kanak, Krông Kma.



- 04 đội Khoan phun: Có nhiệm vụ chính là khoan phun chống thấm các hạng mục công trình nhà máy thủy điện, công trình của nhà máy thủy điện Yaly, Sê San 3, Sê San 4, Pleikrông, Đồng Nai 4, An Khê 0 Ka Nak, Krông Kma, Srok Phu Miêng.
- 03 đội Tổng hợp: Có nhiệm vụ chính là gia công, sửa chữa, kiểm tu phục vụ xe máy thiết bị, phục vụ điện chiếu sáng ngoài hiện trường.
- 01 đội Nạp - Nổ mìn: Có nhiệm vụ chính là nổ mìn các hạng mục công trình nhà máy thủy điện Yaly, Sê San 3, Sê San 4, Pleikrông, Đồng Nai 4, An Khê Ka Nak, Krông Kma.
- 01 đội Nạp - Nổ mìn: Có nhiệm vụ chính là nổ mìn các hạng mục công trình nhà máy thủy điện Yaly, Sê San 3, Sê San 4, Pleikrông, Đồng Nai 4, An Khê Ka Nak, Krông Kma.
- 01 đội bảo vệ: Có nhiệm vụ chính bảo vệ tài sản máy móc thiết bị của Công ty tại các công trình do Công ty đảm nhận thi công.

**SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 10.1**



## 1.6. Nguồn nhân lực của công ty

Tính đến thời điểm 52/10/2006, tổng số lao động hiện có của Công ty là 504 người, bao gồm 482 lao động nam, chiếm 95,63% và 22 lao động nữ, chiếm 4,37%. Cơ cấu lao động của Công ty phân loại theo trình độ học vấn như sau:

STT	Trình độ học vấn	Số người	Tỷ trọng (%)
1	Lao động trình độ đại học	46	9,13%
2	Lao động trình độ cao đẳng, trung cấp	42	8,33%
5	Lao động công nhân kỹ thuật	416	82,54%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>504</b>	<b>100%</b>

( Nguồn: Công ty cổ phần Sông Đà 10.1)

Việc tuyển dụng nhân lực của Công ty căn cứ vào định hướng phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh, yêu cầu năng lực của nhân sự để thực hiện nhiệm vụ.

Công ty thực hiện tuyển dụng lao động 1 cách công khai, sử dụng các hình thức thu hút nhân lực qua hoạt động giới thiệu và quảng bá về hình ảnh, thương hiệu của Công ty, tham gia các hội chợ việc làm, thông báo tuyển dụng trên các phương tiện thông tin đại chúng. Công ty có chính sách ưu tiên tuyển dụng đối với con em cán bộ công nhân viên đang công tác tại Công ty nhưng vẫn đảm bảo các nguyên tắc, thủ tục, yêu cầu của Quy chế tuyển dụng nhân lực của Công ty là chất lượng nguồn nhân lực và yêu cầu ngành nghề cần tuyển dụng.

Mức lương bình quân của người lao động trong Công ty hiện nay là 2.542.000 đồng/người/tháng. Bên cạnh đó, hàng năm đơn vị cũng luôn xây dựng kế hoạch, thực hiện đào tạo và đào tạo lại tay nghề, trình độ cho người lao động bằng nhiều hình thức, nhằm phát triển đội ngũ cán bộ công nhân viên, đáp ứng yêu cầu đa dạng hóa ngành nghề của Công ty.

Đối với chế độ tiền lương, Công ty thực hiện nghiêm chỉnh theo Luật lao động. Lương của cán bộ công nhân viên trong Công ty được trả theo năng suất lao động với hình thức khoán sản phẩm. Người làm nhiều, chất lượng công việc cao được hưởng lương nhiều và ngược lại. Ngoài ra, Công ty còn có chế độ khen thưởng cho người lao động khi người

lao động có sáng kiến làm lợi cho Công ty, Bên cạnh đó, Công ty còn xây dựng quỹ khen thưởng khuyến khích tinh thần phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật của toàn bộ cán bộ công nhân viên trong Công ty.

Hằng năm, Công ty tổ chức cho Cán bộ Công nhân viên đi tham quan, du lịch nhằm khuyến khích động viên người lao động gắn bó với Công ty. Công ty thực hiện chế độ trợ cấp cho nhân viên, cụ thể như trợ cấp hộ sản cho nữ lao động, trợ cấp ốm đau, tai nạn nghề nghiệp, mua bảo hiểm cho người lao động đầy đủ và kịp thời theo qui định hiện hành của Nhà nước.

## 2. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP VÀ TỶ LỆ CỔ PHẦN NẤM GIỮ

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 3903000040 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp ngày 20 tháng 7 năm 2004, sửa đổi lần thứ hai ngày 2 tháng 11 năm 2006. Danh sách cổ đông sáng lập của Công ty như sau:

TT	Tên cổ đông sáng lập	Địa chỉ	Tỷ lệ Cổ phần nắm giữ
1	CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 10	Toà nhà Sông Đà, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội	63,68 %
	Đại diện là:		
	ÔNG TRẦN NGỌC LAN	Xã Kiến Hưng, thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây	36,84%
	ÔNG NGUYỄN VĂN BẢY	Xã Kiến Hưng, thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây	10,53%
	ÔNG VŨ VĂN TÍNH	Xã Kiến Hưng, thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây	10,53%
	ÔNG TRẦN TUẤN LINH	Xã Kiến Hưng, thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây	5,78%

(Công ty cổ phần sông Đà 10.1)

### 3. DANH SÁCH NHỮNG CÔNG TY MẸ VÀ CÔNG TY CON CỦA TỔ CHỨC XIN ĐĂNG KÝ, NHỮNG CÔNG TY MÀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ ĐANG NẮM GIỮ QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI, NHỮNG CÔNG TY NẮM QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI ĐỐI VỚI TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ

**Tổ chức nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty (tại thời điểm 25/10/2006):**

Tên tổ chức	Địa chỉ	Số lượng Cổ phần	Tỷ lệ %
CÔNG TY MẸ - CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 10	Tầng 5 Toà nhà Sông Đà, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội	121.000	63,68%

( Nguồn: Công ty cổ phần Sông Đà 10.1)

**Tại thời điểm 25/10/2006, Công ty không nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phiếu chi phối đối với Công ty khác.**

## 4. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 4.1. Triển vọng phát triển ngành

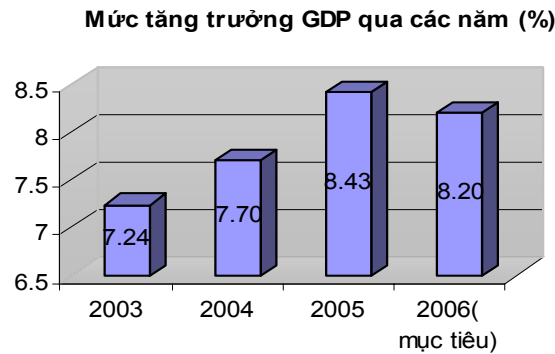
Nền kinh tế Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển cao, bình quân trên 7%/năm và được dự báo là sẽ tiếp tục tăng trưởng trong những năm tới. Kinh tế khu vực Miền Trung Tây Nguyên trong những năm qua cũng có những bước phát triển đáng khích lệ, tốc độ tăng trưởng GDP bình quân trên 10% năm. Trong 5 năm qua tốc độ huy động vốn đầu tư cho các tỉnh Tây Nguyên đạt 40.500 tỷ đồng, thu nhập bình quân đầu người trên 5 triệu đồng/năm<sup>1</sup>. Theo định hướng phát triển kinh tế xã hội Miền Trung Tây Nguyên giai đoạn 2006 đến 2010 do Chính phủ đề ra, tốc độ tăng trưởng mục tiêu gấp khoảng 1,2<sup>2</sup> lần so với cả nước, từ 2010 đến 2020 đối với khu vực Miền Trung đạt khoảng 1,25 lần tốc độ tăng trưởng bình quân toàn quốc, tăng tỷ lệ đóng góp của vùng trong GDP của cả nước từ 5% hiện nay lên khoảng 5,5% vào năm 2010 và 6,5%<sup>3</sup> vào năm 2020.

<sup>1</sup> Nguồn: Báo điện tử Việt Nam net

<sup>2</sup> Nguồn: Thời báo điện tử Bưu điện Việt Nam

<sup>3</sup> Nguồn: Báo điện tử Việt Nam net

Nhìn chung trong những năm sắp tới, kinh tế Việt Nam tiếp tục bước vào giai đoạn hội nhập và phát triển, kinh tế khu vực Miền Trung Tây Nguyên với những tiềm năng phong phú cùng với sự hỗ trợ, đầu tư to lớn của Đảng và Nhà nước sẽ tiếp tục tăng trưởng cao.



*Nguồn: Thời báo kinh tế Việt Nam- Kinh tế Việt Nam năm 2005- 2006*

Do nền kinh tế tăng trưởng cao, nên cầu về điện trong nền kinh tế ngày càng lớn, thị trường điện Việt Nam hiện nay có cung nhỏ hơn cầu, mức tăng trưởng tiêu thụ điện năng tăng nhanh 15% đến 17%/năm so với mức tăng trung bình trên thế giới 2,3% năm<sup>4</sup>. Nguồn điện năng trên thị trường hiện nay được cung cấp từ rất nhiều nguồn: Nhiệt điện, thủy điện, diesel, tua bin, khí... Đến tháng 7 năm 2005, toàn bộ hệ thống điện có tổng công suất là 11.286 MW, trong đó nguồn thuộc EVN là 8.847 MW (chiếm 78,4%) và các nguồn ngoài EVN đạt trên 2.400 MW (chiếm 21,6%)<sup>5</sup>.

Để đáp ứng mức độ tăng trưởng nhu cầu về sử dụng điện trong cả nước, Chính phủ đã phê duyệt kế hoạch phát triển nguồn điện giai đoạn 2001-2010, trong đó ưu tiên phát triển thủy điện, nhất là các công trình có lợi ích tổng hợp (cấp nước, chống lũ, chống hạn...). Khuyến khích đầu tư các nguồn thủy điện nhỏ và vừa với nhiều hình thức để tận dụng nguồn năng lượng sạch, tái sinh này. Trong khoảng 20 năm tới sẽ xây dựng hầu hết các nhà máy thủy điện tại những nơi có khả năng xây dựng. Dự kiến đến năm 2020 tổng công suất các nhà máy thủy điện khoảng 13.000- 15.000 MW. Miền Trung Tây Nguyên là khu vực có nhiều tiềm năng phát triển thủy điện, định hướng đến năm 2020 Chính phủ sẽ đầu tư xây dựng 30 nhà máy thủy điện vừa và lớn và khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng nhiều nhà máy thủy điện cỡ nhỏ, là điều kiện thuận lợi cho những doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng các Công trình thủy điện nói chung và xây dựng cơ sở hạ tầng địa bàn nói riêng.

<sup>4</sup> Nguồn: Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia 2006- 2015, triển vọng đến 2020

<sup>5</sup> Nguồn: Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia 2006- 2015, triển vọng đến 2020

## 4.2. Vị thế của Công ty trong ngành

Hiện nay, trên thị trường các tỉnh Miền Trung Tây Nguyên đã xuất hiện nhiều đối thủ cạnh tranh thuộc các Tổng Công ty lớn có tên tuổi như LICOGI, VINACONEX... Đây là những đơn vị có thế mạnh về vốn đầu tư, trang thiết bị, phạm vi hoạt động kinh doanh, sẵn sàng tham gia thi công các công trình thủy điện lớn của đất nước và có khả năng cạnh tranh trực tiếp với doanh nghiệp. Tuy nhiên, là Công ty con của Công ty Cổ phần Sông Đà 10 - đơn vị đầu ngành của Tổng Công ty Sông Đà, Công ty Cổ phần Sông Đà 10.1 được thừa hưởng tất cả các thế mạnh từ Công ty mẹ. Công ty là đơn vị được Tổng Công ty cũng như Công ty mẹ giao cho chuyên thi công công trình ngầm tại các công trường thủy điện lớn của đất nước trên khu vực Miền Trung Tây Nguyên. Với lực lượng xe, máy nhiều về số lượng, đầy đủ về chủng loại, đội ngũ công nhân kỹ thuật có trình độ tay nghề cao, các sản phẩm của Công ty luôn đáp ứng được các yêu cầu về kỹ thuật, mỹ thuật hiện đại và mang lại nhiều giá trị gia tăng cho khách hàng.

Mặc dù hiện nay đã có nhiều doanh nghiệp tham gia vào hoạt động trong lĩnh vực công trình ngầm, thị trường công trình ngầm đã trở nên cạnh tranh hơn, tuy nhiên với truyền thống của những người thợ Sông Đà và bề dày kinh nghiệm của mình, Công ty Sông Đà 10.1 sẽ được sự tiếp sức của Công ty Sông Đà 10 là Công ty mẹ, tiếp tục là đơn vị thắng thầu thi công các công trình ngầm công cộng phục vụ cộng đồng xã hội.

## DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CÔNG TY ĐÃ VÀ ĐANG THAM GIA THI CÔNG

TT	Tên công trình	Công suất	Chủ đầu tư	Giá trị (tỷ đồng)	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Thủy điện</b>				
1	Thủy điện Hoà Bình	1.920MW	EVN	500	Đã thi công
2	Thủy điện Yaly	720 MW	EVN	600	Đã thi công
3	Thủy điện Sông Hinh	70 MW	BQL Thủy điện 3	20	Đã thi công
4	Thủy điện Vĩnh Sơn	66 MW	BQL Thủy điện 3	10,1	Đã thi công
5	Thủy điện Cần Đơn	60 MW	Tổng CT Sông Đà	40	Đã thi công
6	Thủy điện Hàm Thuận	300 MW	BQL Thủy điện 3	15	Đã thi công

7	Thủy điện Sè San 3	273 MW	BQL Thủy điện 4	240	Đang thi công
8	Thủy điện Sè San 3A	96 MW	Công ty CP Sè San 3A	30	Đang thi công
9	Thủy điện Pleikrông	120 MW	BQL Thủy điện 4	55	Đang thi công
10	Thủy điện Đồng Nai 4	340 MW	BQL Thủy điện 3	450	Đang thi công
<b>II</b>	<b>Công trình giao thông</b>				
1	Công trình Sông Cầu		Công ty xây dựng 47	4	Đã thi công
<b>III</b>	<b>Công trình dân dụng</b>				
1	Khu định cư Sông Đà		Tổng Công ty Sông Đà	2,5	Đã thi công
2	Cấp thoát nước Đăk Lăk		UBND Tỉnh Đăk Lăk	1,8	Đã thi công
3	Đường dây 500 KV Bắc Nam		EVN	15	Đã thi công
<b>IV</b>	<b>Công trình thủy lợi</b>				
1	Hệ thống thủy nông Đồng Cam - Phú Yên		BQLDA thủy lợi 14	1,5	Đã thi công
2	Hệ thống thủy nông Sông Chu		UBND Tỉnh Đăk Lăk	0,8	Đã thi công
3	Kênh Chính Bắc		BQLDA thủy lợi 14	1,9	Đã thi công
4	Kênh Chính Nam		BQLDA thủy lợi 14	1,2	Đã thi công

( Nguồn: Công ty cổ phần Sông Đà 10.1)

### 4.3. Sản phẩm, dịch vụ chính

Trong quá trình hoạt động, Công ty Cổ phần Sông Đà 10.1 đã khẳng định được là thương hiệu có uy tín trên địa bàn, từng bước tạo được lòng tin của khách hàng đối với các sản phẩm, dịch vụ Công ty cung cấp.

Là đơn vị đại diện cho Tổng Công ty và công ty mẹ, chuyên hoạt động thi công công trình ngầm phục vụ cho xây dựng các công trình thủy điện và công trình xã hội khác trên địa bàn Miền Trung Tây Nguyên. Sau gần mười năm gắn bó với thị trường, Công ty Cổ phần Sông Đà 10.1 đã khẳng định được là thương hiệu mạnh trên địa bàn và tạo được uy tín cho các sản phẩm của Công ty đối với khách hàng. Các sản phẩm chính của Công ty có thể chia thành những nhóm như sau:



➤ Nhóm sản phẩm dịch vụ khoan nổ: Phục vụ các công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi và dân dụng như nhà máy thủy điện, cầu, đường bộ, đập ngăn nước, kênh dẫn nước, cửa nhận nước, cống, kênh mương, nhà xưởng công nghiệp và dân dụng...

➤ Nhóm các sản phẩm khác, bao gồm: Sản xuất các loại vật liệu xây dựng, như đá hộc, đá dăm, đất các loại, bê tông tươi... Các cấu kiện kim loại phục vụ xây dựng theo chi tiết sau: Cốp pha cho công tác đổ bê tông, gá lắp cốt thép cho thi công bê tông trong hầm, các cấu kiện vận chuyển chuyên dụng cho thi công công trình, theo nhóm này, các sản phẩm tồn tại dưới dạng thiết bị thi công.

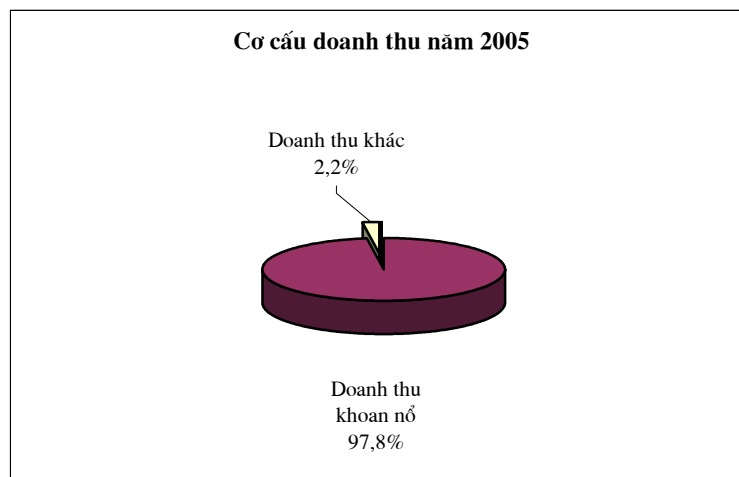
Các sản phẩm của Công ty đều được kiểm soát chất lượng chặt chẽ qua tất cả các Công đoạn sản xuất, các bộ phận thực thi theo tiêu chuẩn ISO 9001-2000, đáp ứng được mục tiêu chất lượng mà Ban lãnh đạo Công ty đề ra, ngày càng nâng cao sự thỏa mãn của khách hàng và tạo dựng uy tín vững chắc cho các sản phẩm, dịch vụ của Công ty.

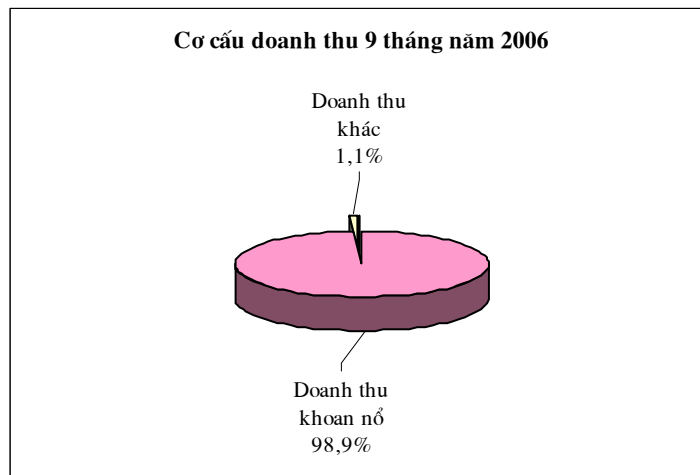
### Cơ cấu doanh thu các nhóm sản phẩm chính năm 2005 và 9 tháng năm 2006

Đơn vị : Đồng

Cơ cấu doanh thu	Năm 2005		9 tháng năm 2006	
	Số tiền	%	Số tiền	%
1. Doanh thu khoan nổ	68.589.373.627	97,8%	46.605.343.357	98,9%
2. Doanh thu khác	1.550.310.543	2,2%	518.655.984	1,1%
<b>Tổng cộng</b>	<b>70.139.684.170</b>	<b>100%</b>	<b>47.123.999.341</b>	<b>100%</b>

( Nguồn: Công ty cổ phần Sông Đà 10.1)





#### 4.4. Trình độ công nghệ:

Là đơn vị chủ lực, chuyên thi công công trình ngầm cho các công trình tại Miền Trung Tây Nguyên, Công ty xác định trong giai đoạn hiện nay và những năm sắp tới Nhà nước sẽ tiến hành đầu tư xây dựng nhiều Công trình trọng điểm trên địa bàn. Để có thể có đủ năng lực đảm nhận thi công các phần việc của các công trình nêu trên, trong những năm vừa qua Công ty đã tiến hành đầu tư hiện đại hóa các loại máy móc thiết bị hiện đại có nguồn gốc từ các nước Châu Âu và các nước phát triển khác trên thế giới. Các loại máy móc thiết bị chuyên dùng của Công ty có đủ khả năng thi công những phần việc phức tạp nhất, trong những điều kiện địa hình, thời tiết xấu nhất, giúp cho công ty luôn luôn hoàn thành kế hoạch được giao.

### MỘT SỐ MÁY MÓC THIẾT BỊ CỦA CÔNG TY

STT	Tên tài sản	Nước sản xuất	Giá trị
1	Máy xúc lật KAWASAKI Model 80ZIV-2	Nhật bản	2,453,219,913
2	Máy bơm vữa bê tông HB 50	Nga	109,523,809
3	Máy bơm bê tông Nhật PT80-30M số 05P107001M	Nhật bản	1,918,769,970
4	Máy bơm vữa bê tông trục vít S30-R210-HD40	Nhật bản	163,423,540
5	Máy khoan khí nén HKP 100 ME	Mỹ	205,510,800

6	Máy khoan Thủy lực RANGER 700	Phần Lan	4,854,946,017
7	Máy khoan bê tông TE 76 1300W	Thụy Điển	26,293,680
8	Máy khoan hầm hiệu Boomer L2D	Thụy Điển	9,618,211,446
9	Máy ép khí Ingersoland XP750WCU	Mỹ	659,465,957
10	Quạt gió Pháp 2 cấp Model T2.9.150 KW	Pháp	569,395,733
11	Máy toàn đạc điện tử Leica TCR	Thụy Sĩ	225,200,000
12	Máy toàn đạc điện tử TCR 405 Leica	Thụy Sĩ	176,450,000
13	Ô tô cần trục KTA	Nga	772,212,333

( Nguồn: Công ty cổ phần Sông Đà 10.1)

#### 4.5. Kế hoạch phát triển kinh doanh

##### 4.5.1. Kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh từ 2006 - 2010

Đại hội cổ đông Công ty năm 2006 đã đề ra chiến lược phát triển của Công ty giai đoạn 2006 - 2010 như sau:

- Xây dựng và phát triển Công ty trở thành một đơn vị xây lắp chuyên ngành mạnh, có khả năng thi công trọn gói các công trình lớn ở trong nước và khu vực;
- Thực hiện đa dạng hóa ngành nghề, đa dạng hóa sản phẩm và chế độ sở hữu trên cơ sở duy trì và phát triển ngành nghề truyền thống của Công ty là thi công xây dựng các công trình ngầm, khoan nổ mìn, khoan phun... tại các dự án xây dựng công trình thủy điện, thủy lợi, giao thông;
- Phát huy cao độ mọi nguồn lực để nâng cao năng lực cạnh tranh, lấy hiệu quả kinh tế là thước đo chủ yếu cho sự phát triển bền vững của Công ty, góp phần quan trọng vào việc xây dựng và phát triển Tổng Công ty Sông Đà trở thành một tập đoàn kinh tế mạnh.

Để thực hiện chiến lược phát triển giai đoạn 2006 - 2010 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã đề ra các mục tiêu trong 5 năm 2006 - 2010 như sau:

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất kinh doanh bình quân hàng năm: từ 14 đến 15%/năm;
- Tổng giá trị sản xuất kinh doanh trong 5 năm: 708 tỷ đồng tương đương 44 triệu USD;
- Doanh thu trong 5 năm: 564 tỷ đồng, tương đương 35 triệu USD;
- Nộp ngân sách Nhà nước trong 5 năm: 70,8 tỷ đồng, tương đương 4,4 triệu USD;
- Lợi nhuận trong 5 năm: 57 tỷ đồng, tương đương 3,6 triệu USD;
- Tỷ lệ cổ tức bình quân đến năm 2010: 20%/năm
- Lao động năm 2010: 800 người;
- Thu nhập bình quân: 3,5 triệu đồng ( 220 USD)/người/tháng.

#### 4.5.2. Kế hoạch đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh

##### • Đầu tư nâng cao năng lực thi công

Trên cơ sở mục tiêu và tiến độ các công trình, hiện tại Công ty đang đầu tư 01 dây chuyền thi công hầm đường bộ, trong thời gian tới Công ty sẽ đầu tư bổ sung chủ yếu các dây chuyền phục vụ cho công tác xúc chuyển đất đá, các trạm nghiền đá dăm, các trạm trộn Bê tông để phục vụ cho các công trình thi công. Đảm bảo đến năm 2010 năng lực thi công của Công ty sẽ đạt:

- Khoan nổ hầm từ 0,2 đến 0,25 triệu m<sup>3</sup>/năm;
- Khoan nổ hở từ 1,5 đến 2 triệu m<sup>3</sup>/năm;
- Đổ bê tông từ 40 nghìn đến 50 nghìn m<sup>3</sup>/năm;
- Sản xuất đá dăm từ 40 đến 50 nghìn m<sup>3</sup>/năm;
- Khoan phun từ 40 đến 50 nghìn md/năm.

##### • Đầu tư sửa chữa và gia công cơ khí:

Hệ thống máy móc thiết bị chủ yếu của Công ty là các máy móc thiết bị chuyên ngành phục vụ tại các công trường với địa bàn cả nước, vì vậy việc đầu tư nâng cao năng lực sửa chữa thiết bị là hết sức cần thiết. Dự kiến trong các năm tới sẽ nâng cấp xưởng sửa

chữa và gia công cơ khí để phục vụ cho các công trình từ Miền Trung và Tây Nguyên (các thủy điện Đồng Nai 4, An Khê - Ka Nak, Đăk Mi 4...).

• **Đầu tư góp vốn xây dựng thủy điện**

Trong các năm tới, Công ty dự kiến sẽ chuẩn bị các nguồn vốn, tài sản, để triển khai góp vốn với các đối tác để đầu tư xây dựng các dự án thủy điện nhỏ như Pạc Chà tại huyện Mường Khương tỉnh Lào Cai, Nậm Cúm - Lào Cai.

• **Đầu tư xây dựng văn phòng làm việc**

Để đảm bảo công tác điều hành sản xuất kinh doanh trong công ty, trong thời gian tới Công ty dự kiến đầu tư xây dựng trụ sở làm việc tại thành phố Pleiku.

## KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TỪ 2006 – 2008

Đơn vị : Tỷ đồng

TT	Tên dự án	Năm		
		2006	2007	2008
	<b>Tổng giá trị đầu tư dự án</b>	<b>42,09</b>	<b>10,40</b>	<b>40</b>
<b>I</b>	<b>Nâng cao năng lực thi công</b>	<b>41,39</b>	<b>4,40</b>	<b>40</b>
	Đầu tư máy móc thiết bị	41,39	4,40	40
<b>II</b>	<b>Nhà xưởng</b>	<b>0,7</b>	<b>1</b>	
	Xây lắp		1	
	Thiết bị	0,7		
<b>III</b>	<b>Trụ sở Công ty tại TP Pleiku</b>		<b>5</b>	

(Nguồn: Công ty cổ phần Sông Đà 10.1)

Công ty dự kiến sẽ huy động vốn từ Ngân hàng và từ các nguồn khác để thực hiện đầu tư các dự án nêu trên. Kế hoạch huy động vốn cho từng dự án và từng thời gian cụ thể sẽ được Công ty xây dựng chi tiết và trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

## 5. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2005 & 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2006

### 5.1. Kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2005	30/09/2006
Tổng giá trị tài sản	64.663.836.631	94.693.952.040
Doanh thu thuần	70.139.684.170	47.123.999.341
Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh	7.852.041.002	6.663.231.832
Lợi nhuận khác	97.594.337	-26.134.943
Lợi nhuận trước thuế	7.949.635.339	6.637.096.889
Lợi nhuận sau thuế	7.949.635.339	6.637.096.889
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	43,02%	
Tỷ lệ trả cổ tức trên vốn điều lệ	18%	

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2005 và BCTC 09 tháng đầu năm 2006)

- Lợi nhuận Quý III tăng đột biến là do bên A đã thanh toán khối lượng còn lại của các công trình Sê San 3, Sê San 4, Pleikrông, theo đơn giá chính thức cao hơn đơn giá tạm thanh toán trong các năm trước nên lợi nhuận tăng.
- Lợi nhuận khác -26.134.943 đồng là do Công ty thanh toán cho Công ty cổ phần Vật tư vận tải Sông Đà số tiền mua vật tư mà trong năm 2005 Công ty đã hạch toán từ khoản mục nợ phải trả vào thu nhập khác. Do hơn 3 năm Công ty Vật tư vận tải Sông Đà không đòi thanh toán số tiền trên (từ năm 2001), nhưng đến năm 2006 đã yêu cầu Công ty Sông Đà 10.1 phải thanh toán khoản nợ trên.

### 5.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

#### 5.2.1. Thuận lợi

- Công ty là Công ty con của Công ty Cổ phần Sông Đà 10, đơn vị thi công công trình ngầm chủ lực của Tổng Công ty Sông Đà, luôn luôn được Tổng Công ty giao cho thi công các công trình trọng điểm quốc gia;

- Được sự hỗ trợ mạnh mẽ từ Công ty mẹ, trong những năm qua Công ty thường xuyên đầu tư nâng cao năng lực thi công, trang bị những những máy móc thiết bị hiện đại của các nước tiên tiến trên thế giới;
- Công ty Cổ phần Sông Đà 10.1 đã chiếm lĩnh thị trường khu vực Miền Trung được gần 10 năm nay, hiện nay Công ty là doanh nghiệp đứng đầu trên địa bàn về lĩnh vực thi công công trình ngầm;
- Với vị thế mạnh tại địa bàn Miền Trung trong lĩnh vực công trình ngầm, Công ty thường xuyên được Tổng Công ty và Công ty mẹ giao cho thực hiện các Công trình lớn của đất nước, giúp Công ty luôn ổn định và hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh;
- Đội ngũ cán bộ kỹ thuật và công nhân vận hành lành nghề, kinh nghiệm lâu năm, có kiến thức và hiểu biết sâu sắc về máy móc thiết bị và địa hình khu vực Miền Trung, giúp cho Công ty luôn thực hiện tốt các yêu cầu của chủ đầu tư và đảm bảo cho các sản phẩm của Công ty đạt chất lượng cao nhất, với thời gian thi công nhanh nhất;
- Sự chỉ đạo và đề ra các giải pháp tháo gỡ kịp thời những khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các cấp lãnh đạo Công ty mẹ nói chung và bản thân Công ty nói riêng là nhân tố lớn làm nên thắng lợi của Công ty trong năm qua;

### 5.2.2. Khó khăn

- Giá cả các loại nhiên liệu trên thị trường phụ thuộc vào nguồn nhập khẩu từ các nước khác và có xu hướng biến động tăng, làm gia tăng chi phí hoạt động của máy móc thiết bị, dẫn đến giá thành sản phẩm tăng tương ứng và hệ quả tất yếu làm giảm lợi nhuận hoạt động của Công ty trong năm;
- Đội ngũ cán bộ kỹ thuật lành nghề trong việc nghiệm thu quyết toán các sản phẩm hoàn thành còn thiếu và yếu, làm ảnh hưởng đến tiến độ thu hồi vốn, dẫn đến chi phí dở dang lớn, ảnh hưởng không nhỏ đến các chỉ tiêu hiệu quả sử dụng vốn.
- Việc lập hồ sơ thiết kế còn chậm, làm cho quá trình triển khai thi công không đúng với dự kiến, các nguồn lực về máy móc, thiết bị, tài chính, nhân lực không được đưa vào sử dụng theo đúng kế hoạch, làm giảm hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp.
- Thiếu vốn và khó khăn trong việc tìm kiếm nguồn vốn tài trợ cho các dự án đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh như: Đổi mới máy móc thiết bị, góp vốn xây dựng thủy điện, đầu tư xây dựng trụ sở làm việc đang là vấn đề cần phải có giải pháp tháo gỡ

trong thời gian tới để thực hiện thành Công những chiến lược kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông đề ra.

### 5.3. Đánh giá khái quát tình hình tài chính của Công ty

#### 5.3.1. Nhận xét một số chỉ tiêu phản ánh tình tài chính của Công ty

**Bảng 8. Một số chỉ tiêu phản ánh tình hình tài chính của Công ty**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2005	30/09/2006
<b><u>I. Các hệ số khả năng thanh toán</u></b>			
1. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,62	1,77
2. Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,19	1,08
<b><u>II. Các hệ số phản ánh cấu trúc tài sản và nguồn vốn</u></b>			
1. Hệ số nợ/ Tổng nguồn vốn	%	55	66
2. Hệ số vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	45	34
3. Hệ số TSLĐ/ Tổng tài sản	%	88	64
4. Hệ số TSCĐ/ Tổng tài sản	%	12	36
<b><u>III. Các chỉ số hoạt động</u></b>			
1. Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	3,28	1,83
2. Số ngày vòng quay hàng tồn kho	Ngày	110	196
3. Vòng quay khoản phải thu	Vòng	2,97	1,43
4. Kỳ thu tiền trung bình	Ngày	121	251
<b><u>IV. Các chỉ tiêu sinh lời</u></b>			
1. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu	%	11,3%	14,1%
2. Tỷ suất sinh lợi của tài sản (ROA)	%	12,3%	7,01%
3. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (ROE)	%	27,4%	21%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2005 và BCTC 09 tháng đầu năm 2006)



➤ Tài sản lưu động chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản, năm 2005 là 88%, 9 tháng đầu năm 2006 là 64%. Tài sản lưu động của Công ty tập trung chủ yếu ở các khoản phải thu và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, đây là đặc thù của ngành xây lắp, các công trình thi công kéo dài và thời gian thanh toán các khoản phải thu chậm. Điều này cũng lý giải tại sao hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty rất đảm bảo thì hệ số khả năng thanh toán nhanh lại không cao.

➤ Cũng do ảnh hưởng riêng có của ngành xây lắp, dẫn đến các hệ số phản ánh tình hình hoạt động của doanh nghiệp thấp. Số ngày hàng tồn kho và kỳ thu tiền trung bình lớn là do ảnh hưởng của các khoản phải thu và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. Nguồn tài trợ chủ yếu cho vốn lưu động của Công ty là các nguồn vốn huy động từ bên ngoài và từ công ty mẹ.

➤ Các hệ số phản ánh khả năng sinh lời của doanh nghiệp ở mức tương đối tốt. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu và tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu đều có xu hướng tăng. Điều này phản ánh kể từ khi chuyển sang Công ty cổ phần hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp ngày càng hiệu quả và đem lại lợi ích nhiều hơn cho các cổ đông.

➤ **Lưu ý người sử dụng trong báo cáo kiểm toán:**

✓ Do việc ký hợp đồng kiểm toán và việc thực hiện kiểm toán sau ngày 31/12/2005. Vì vậy, kiểm toán viên không thể thực hiện được thủ tục chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho, tài sản cố định, tiền mặt cùng Công ty tại ngày 31/12/2005. Tuy nhiên trong quá trình kiểm toán, kiểm toán viên đã thực hiện kiểm kê tài sản cố định, tiền, hàng tồn kho tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2006 và kết hợp với các thủ tục kiểm tra, đối chiếu chứng từ, sổ kế toán phát sinh từ 31/12/2005 cho đến ngày kiểm kê, đảm bảo số liệu của các khoản mục tài sản cố định, hàng tồn kho, tiền mặt trên báo cáo tài chính kiểm toán năm 2005 là chính xác.

✓ Giá trị thương hiệu của Công ty tại khoản mục Tài sản cố định vô hình là 1,9 tỷ đồng

Căn cứ pháp lý tính giá trị thương hiệu của Công ty như sau:

- Quyết định số 819/QĐ-BXD ngày 25/05/2004 của Bộ Xây dựng về việc phê duyệt giá trị bộ phận doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa Công ty Sông Đà 10.1 của Công ty Sông Đà 10 – Tổng Công ty Sông Đà.

- Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp của Xí nghiệp Sông Đà 10.1 thuộc Công ty Sông Đà 10 tại thời điểm 31/12/2003.
- Hợp đồng sử dụng nhãn hiệu hàng hoá Tổng công ty Sông Đà số 01/2006/TCT-SĐ10.1, ngày 9 tháng 11 năm 2006, giữa Tổng công ty Sông Đà và Công ty cổ phần Sông Đà 10.1.
- Biên bản giao Xí nghiệp Sông Đà 10.1 sang Công ty cổ phần 10.1.

➤ **Giải trình chênh lệch một số khoản mục trên báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2005 và 1/1/2006:**

- ✓ Số dư khoản mục các khoản phải thu tại thời điểm 31/12/2005 trên báo cáo kiểm toán năm 2005 là: 34.780.746.111 đồng, tại ngày 1/1/2006 trên báo cáo quý III năm 2006 là: 34.490.906.135 đồng. Chênh lệch 289.839.976 đồng.
- ✓ Nguyên nhân là do báo cáo tài chính năm 2005 được Công ty kiểm toán Hồng Hà lập theo chuẩn mực kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC. Theo đó, Công ty kiểm toán đã gộp khoản mục tài sản lưu động khác vào khoản mục các khoản phải thu khác. Trong khi đó báo cáo tài chính quý III năm 2006 chưa được kiểm toán do Công ty lập theo chế độ kế toán ban hành theo Quyết định 167/2000/QĐ-BTC ngày 20/10/2000. Theo đó, Công ty cổ phần Sông Đà 10.1 đã tách khoản mục tài sản lưu động khác ra khỏi khoản mục các khoản phải thu khác bao gồm 02 tiểu khoản: Tạm ứng và các khoản thế chấp ký quỹ, ký cược ngắn hạn.
- ✓ Khoản mục nợ ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2005 trên báo cáo kiểm toán năm 2005 là: 35.247.205.840 đồng, tại thời điểm 1/1/2006 trên báo cáo tài chính quý III là: 34.452.541.958 đồng. Chênh lệch 794.663.882 đồng. Nguyên nhân chênh lệch đã được nêu ở phần trên. Theo đó Báo cáo năm 2005 Công ty kiểm toán Hồng Hà đã gộp khoản mục nợ khác vào chỉ tiêu các khoản phải trả phải nộp khác số tiền là 794.663.882 đồng. Trong khi đó báo cáo tài chính quý III năm 2006, do Công ty cổ phần Sông Đà 10.1 lập đã tách các khoản mục trên thành các chỉ tiêu riêng biệt
- ✓ Việc lập báo cáo theo hai chế độ kế toán cũ và mới chỉ làm chênh lệch các chỉ tiêu riêng biệt trên báo cáo tài chính năm 2005 và năm 2006, nhưng không làm sai lệch tổng tài sản và nguồn vốn chủ sở hữu của đơn vị. Năm 2006 Công ty sẽ lập báo cáo tài chính theo chế độ kế toán mới.

### 5.3.2. Các khoản nợ của Công ty

Chỉ tiêu	31/12/2005	30/09/2006
<b>1. Nợ phải thu</b>	<b>34.780.746.111</b>	<b>31.461.670.073</b>
- Phải thu khách hàng	34.264.824.206	30.124.813.571
- Trả trước cho người bán	25.844.780	1.201.800.000
- Phải thu khác	490.077.125	135.056.502
<b>2. Nợ phải trả</b>	<b>35.247.205.840</b>	<b>62.693.296.360</b>
<b>2.1. Nợ ngắn hạn</b>	<b>35.247.205.840</b>	<b>34.154.222.256</b>
- Vay ngắn hạn	16.889.083.300	11.930.000.000
- Phải trả cho người bán	6.365.150.919	8.149.609.768
- Người mua trả tiền trước	4.265.730.000	7.954.000.000
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.012.546.552	464.101.907
- Phải trả công nhân viên	2.811.616.027	2.840.247.336
- Chi phí phải trả	749.663.882	
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.153.415.160	2.816.263.245
<b>2.2. Nợ dài hạn</b>		<b>21.847.000.000</b>
<b>2.3. Nợ khác ( Chi phí phải trả)</b>		<b>6.692.074.104</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2005 và BCTC 09 tháng đầu năm 2006)

- Như trên đã phân tích, do doanh nghiệp hoạt động trong ngành xây lắp, vì vậy các khoản phải thu thường chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản lưu động của Công ty và chủ yếu là các khoản phải thu các chủ đầu tư.
- Đối với các khoản phải trả, ngoài các khoản phát sinh trong hoạt động thường niên như: phải trả công nhân viên, phải trả, phải nộp Nhà nước... Công ty còn chủ yếu chiếm dụng được của các nhà cung cấp và huy động từ ngân hàng. Trong quá trình hoạt động kinh doanh Công ty luôn thực hiện nghĩa vụ thanh toán đúng hạn cả gốc và lãi cho ngân hàng, chủ nợ, được các ngân hàng đánh giá là đơn vị rất có uy tín trong hoạt động tín dụng. Bên cạnh đó, Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Sông Đà 10

cũng đã tạo mọi điều kiện tốt nhất để Công ty hoàn thành mọi nghĩa vụ với Nhà nước, nhà đầu tư... giúp Công ty luôn hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh hàng năm.

- Các khoản phải trả phải nộp khác tăng 1.662.848.085 đồng chủ yếu là do Công ty hạch toán cổ tức phải trả Công ty cổ phần Sông Đà 10 mà hiện nay chưa trả, số tiền là 1.178.000.000 đồng. Công ty sẽ thanh toán bù trừ khoản này vào giá trị công trình hoàn thành mà Công ty Sông Đà 10.1 đang thực hiện cho Công ty Sông Đà 10. Các khoản còn lại gồm kinh phí công đoàn, BHYT, BHXH phải nộp nhưng đơn vị chưa nộp.
- Chi phí phải trả trên báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2006 phát sinh 6.692.074.104 đồng, là do Công ty đã trích trước vào chi phí trong kỳ để dự phòng cho phần khối lượng khoan nổ vượt quá thiết kế làm tăng chi phí đổ bê tông mà các đơn vị khoan nổ phải gánh chịu. Cuối năm, Công ty sẽ quyết toán cụ thể với các đơn vị thi công bê tông phần khối lượng phải thanh toán do lỗi của đơn vị. Nếu số phải thanh toán thấp hơn số đã tạm phân bổ, đơn vị sẽ thực hiện giảm chi phí sản xuất khi kết thúc công trình.

### **Bảng tổng hợp tình hình vay và trả nợ vay của Công ty Cổ phần Sông Đà 10.1**

*Đơn vị: Đồng*

<b>Ngân hàng vay vốn</b>	<b>Mục đích vay vốn</b>	<b>Giá trị VNĐ</b>	<b>Lãi suất</b>	<b>Thời gian đáo hạn</b>	<b>Số dư tại 30/9/2006</b>
<b>1. Vay ngắn hạn</b>					
CN Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Gia Lai	Bổ sung vốn lưu động	11.930.000.000	0,94%	11/2006	11.930.000.000
<b>2. Vay trung dài hạn</b>					
CN Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Gia Lai	Mua 02 máy xúc lật Kawasaki	4.575.000.000	0,93%/tháng	12/2008	4.575.000.000
CN Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Gia Lai	Mua 02 quạt gió hầm	1.023.000.000	0,91%/tháng	12/2007	1.023.000.000

CN Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Gia Lai	Mua 02 máy bơm trục vít cánh neo	249.000.000	0,93%/ tháng	7/2010	249.000.000
CN Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Gia Lai	Mua máy khoan hầm Boomer số 1	12.0000.000.000	0,93%/ tháng	6/2008	12.0000.000.000
CN Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Gia Lai	Mua máy khoan hầm Boomer số 2	4.000.000.000	0,93%/ tháng	6/2010	4.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>		<b>21.847.000.000</b>			<b>21.847.000.000</b>

( Nguồn: Công ty cổ phần Sông Đà 10.1)

## 6. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT

### 6.1. Hội đồng quản trị

#### 1. ÔNG TRẦN NGỌC LAN

**Giới tính:** Nam

**Ngày tháng năm sinh:** 20/06/1958

**Quốc tịch:** Việt Nam

**Dân tộc:** Kinh

**Quê quán:** Xã Hiển Khánh, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định

**Địa chỉ thường trú:** Xã Kiến Hưng, thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây

**Số điện thoại:** 047.684.658

**Trình độ văn hoá:** 10/10

**Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư điện

**Quá trình công tác:**

- 2/1982 - 12/1983: Kỹ sư Xí nghiệp hầm, Công ty Xây dựng Công trình Ngầm

- **1/1984 - 12/1986:** Đội trưởng đội điện, Xí nghiệp hầm 1
- **1/1987 - 4/1989:** Tổng đội phó Tổng đội năng lượng, Công ty Xây dựng Công trình ngầm
- **5/1989 - 12/1990:** Lao động hợp tác tại Cộng hòa IRAQ
- **1/1991 - 3/1992:** Trưởng ban vật tư công trình ngầm, Xí nghiệp Xử lý nền móng và Cấp thoát nước- Công ty Xây dựng Công trình ngầm.
- **4/1992 - 12/1992:** Phó Giám đốc Xí nghiệp Cung ứng vật tư vận tải, Công ty Xây dựng Công trình ngầm.
- **1/1993 - 6/1997:** Trưởng ban đại diện, Công ty Xây dựng Công trình ngầm tại Hà Đông
- **7/1997 - 7/2003:** Trưởng phòng Vật tư, Công ty Xây dựng Công trình ngầm Sông Đà 10.1
- **8/2003 - 1/2004:** Phó Giám đốc Công ty Sông Đà 10
- **2/2004 - 12/2005:** Bí thư Đảng ủy, Phó Giám đốc Công ty Sông Đà 10
- **01/2006 đến nay:** Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 10, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 10.1.

**Chức vụ hiện nay:** Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 10 kiêm Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 10.1.

**Số Cổ phần nắm giữ:** 700.000 Cổ phần (mệnh giá: 10.000 đồng)

**Trong đó:** Sở hữu cá nhân: 0 Cổ phần

Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: 700.000 Cổ phần

**Những người liên quan nắm giữ cổ phiếu:**

Vợ: Đặng Thị Bích Hòa

Số cổ phần nắm giữ: 1.500 Cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng)

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.

## 2. ÔNG VŨ VĂN TÍNH

**Giới tính:** Nam

**Ngày tháng năm sinh:** 19/7/1958

**Quốc tịch:** Việt Nam

**Dân tộc:** Kinh

**Quê quán:** Xã Yên Đồng, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định

**Địa chỉ thường trú:** Xã Kiến Hưng, thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây

**Số điện thoại:** 047.683.999

**Trình độ văn hoá:** 10/10

**Trình độ chuyên môn:** Kỹ Sư Khai thác hầm lò

### Quá trình công tác

- **7/1981 - 8/1983:** Nhân viên kỹ thuật Xí nghiệp hầm, Công ty Xây dựng Công trình ngầm.
- **9/1983 - 5/1986:** Khu trưởng Xí nghiệp hầm, Công ty Xây dựng Công trình ngầm
- **6/1986 - 7/1990:** Phó Giám đốc Xí nghiệp hầm, Công ty Xây dựng Công trình ngầm
- **8/1990 - 5/1993:** Phó Giám đốc Xí nghiệp hầm, Thủy điện Sông Hinh
- **6/1993 - 12/1995:** Phó Giám đốc Xí nghiệp hầm, Công ty Công trình ngầm
- **1/1996 - 5/1997:** Giám đốc Xí nghiệp hầm 1, Công ty Xây dựng Sông Đà 10
- **6/1997 - 8/2001:** Phó Giám đốc Công ty Sông Đà 10, kiêm phó Bí thư Đảng uỷ Công ty
- **9/2001 - 10/2003:** Phó Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 10.2

- **11/2003 - 12/2005:** Giám đốc Công ty Sông Đà 10, kiêm phó Bí thư Đảng ủy Công ty
- **01/2006 đến nay:** Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 10 kiêm Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 10.1
- **Chức vụ hiện nay:** Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 10 kiêm Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 10.1
- **Số Cổ phần nắm giữ:** 200.000 Cổ phần (mệnh giá: 10.000 đồng)

**Trong đó:** Sở hữu cá nhân: 0 Cổ phần  
Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: 200.000 Cổ phần

**Những người liên quan nắm giữ cổ phiếu:**

Vợ: Nguyễn Thị Lụa  
Số cổ phần nắm giữ: 1.300 Cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng)

**Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty:** Không

### 3. ÔNG NGUYỄN VĂN BẦY

**Giới tính:** Nam  
**Ngày tháng năm sinh:** 20/2/1958  
**Quốc tịch:** Việt Nam  
**Dân tộc:** Kinh  
**Quê quán:** Xã Quảng Nghiệp, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương  
**Địa chỉ thường trú:** Xã Kiến Hưng, thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây  
**Số điện thoại:** 047.683.989  
**Trình độ văn hoá:** 10/10  
**Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư cơ khí

**Quá trình công tác:**

- **1982 - 1988:** Đội trưởng đội cơ khí, Công ty Xây dựng Công trình ngầm



- **1989 - 1991:** Giám đốc Xí nghiệp Khoan nổ - Công trình ngầm, Công ty Xây dựng Công trình ngầm
- **1992 - 1993:** Trưởng phòng vật tư, Đại diện Tổng Công ty Xây dựng Sông Đà tại Phú Yên
- **1994 - 2000:** Trưởng phòng Vật tư Công ty Sông Đà 10
- **2001 - 2005:** Phó Giám đốc Công ty Sông Đà 10
- **01/2006 đến nay:** Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 10, thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 10.1

**Chức vụ hiện nay:** Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 10, thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 10.1

**Số Cổ phần nắm giữ:** 200.800 Cổ phần (mệnh giá: 10.000 đồng)

**Trong đó:** Sở hữu cá nhân: 800 Cổ phần

Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: 200.000 Cổ phần.

**Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty:** Không

#### 4. ÔNG NGUYỄN VĂN TÁNH

**Giới tính:** Nam

**Ngày tháng năm sinh:** 15/11/1957

**Quốc tịch:** Việt Nam

**Dân tộc:** Kinh

**Quê quán:** Ý Yên, tỉnh Nam Định

**Địa chỉ thường trú:** Xã Kiến Hưng, thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây

**Số điện thoại :** 059 716847

**Trình độ văn hoá:** 10/10

**Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư Khai thác mỏ hầm lò

**Quá trình công tác:**

- **3/1981 - 10/1981:** Cán bộ Kỹ thuật Xí nghiệp Hâm, Công ty Xây dựng Công trình Ngâm Thủy điện Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình.
- **11/1981 - 11/1984:** Đội trưởng đội Khoan hâm, Công ty Xây dựng Công trình Ngâm Thủy điện Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình.
- **1985 - 1989:** Phó Giám đốc Xí nghiệp Hâm Công ty Xây dựng Công trình Ngâm Thủy điện Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình.
- **1990 - 1993:** Trưởng phòng An toàn - Công ty Xây dựng công trình ngâm tại thủy điện Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình.
- **1994 - 1998:** Trưởng phòng An toàn - Công ty Xây dựng công trình ngâm tại thủy điện Yaly, tỉnh Gia Lai.
- **5/1998 - 9/2000:** Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch Công ty Xây dựng Công trình Ngâm Sông Đà 10 tại Tây Nguyên, thủy điện Yaly, tỉnh Gia Lai.
- **9/2000 - 12/2002:** Giám đốc Chi nhánh Công ty Xây dựng Công trình Ngâm Sông Đà 10 tại Tây Nguyên, thủy điện Yaly, tỉnh Gia Lai.
- **1/2003 - 6/2004:** Phó Giám đốc Công ty Sông Đà 10 kiêm Giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 10.1, thủy điện Sê San 3, tỉnh Gia Lai.
- **7/2004 đến nay:** Thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 10.1.

**Chức vụ hiện nay:** Thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 10.1.

**Số Cổ phần nắm giữ:** 206.930 Cổ phần (mệnh giá: 10.000 đồng)

**Trong đó:** Sở hữu cá nhân: 15.000 Cổ phần

Đại diện cho các cổ đông khác: 191.930 Cổ phần.

**Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty:** Không

## 5. ÔNG HOÀNG LÊ SỬ

---

<b>Giới tính:</b>	Nam
<b>Ngày tháng năm sinh:</b>	30/06/1960
<b>Quốc tịch:</b>	Việt Nam
<b>Dân tộc:</b>	Kinh
<b>Quê quán:</b>	Hà Nội
<b>Địa chỉ thường trú:</b>	Phường Hoa Lư, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai
<b>Số điện thoại:</b>	059 716906
<b>Trình độ văn hoá:</b>	10/10
<b>Trình độ chuyên môn:</b>	Kỹ sư Xây dựng Công trình ngầm
<b>Quá trình công tác:</b>	
• <b>1984 - 1985:</b>	Cán bộ Kỹ thuật Xí nghiệp Hầm, Công ty Xây dựng Công trình Ngầm Thủy điện Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình.
• <b>1986 - 1987:</b>	Đội trưởng đội Sản xuất Xí nghiệp Hầm, Công ty Xây dựng Công trình Ngầm Thủy điện Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình.
• <b>1988 - 1993:</b>	Trưởng Ban Kinh tế - Kế hoạch - Kỹ thuật Xí nghiệp Hầm I, Công ty Xây dựng Công trình Ngầm Thủy điện Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình.
• <b>1993 - 2000:</b>	Trưởng Ban Kinh tế - Kế hoạch - Kỹ thuật Xí nghiệp Hầm I, Công ty Xây dựng Công trình Ngầm Thủy điện Yaly, tỉnh Gia Lai.
• <b>2001 - 2002:</b>	Trưởng Ban Kỹ thuật Chi nhánh Công ty Sông Đà 10 tại Tây Nguyên.
• <b>2003 - 7/2004:</b>	Phó Giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 10.1, Công ty Sông Đà 10, Tổng Công ty Sông Đà Thủy điện Sê San 3 - Chưpả, tỉnh Gia Lai.
• <b>08/2004 - 02/2006 :</b>	Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 10.1

• **03/2006 đến nay:** Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 10.1

**Chức vụ hiện nay:** Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 10.1

**Số Cổ phần nắm giữ:** 57.240 Cổ phần (mệnh giá: 10.000 đồng)

**Trong đó:** Sở hữu cá nhân: 11.600 Cổ phần

Đại diện sở hữu cho các cổ đông khác: 45.640 Cổ phần.

**Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty:** Không

## **6.2. Ban kiểm soát**

### **1. ÔNG TRẦN TUẤN LINH**

**Giới tính:** Nam

**Ngày tháng năm sinh:** 05/09/1974

**Quốc tịch:** Việt Nam

**Dân tộc:** Kinh

**Quê quán:** Thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

**Địa chỉ thường trú:** Khu tập thể Công ty Sông Đà 10 tại Cầu Bươu, Hà Đông

**Số điện thoại:** 047.683.990

**Trình độ văn hoá:** 12/12

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sỹ kinh tế

#### **Quá trình công tác:**

• **11/1996 - 05/1998:** Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán Công ty Sông Đà 10 - Tổng Công ty Sông Đà.

• **06/1998 - 9/1999:** Kế toán trưởng Chi nhánh Công ty Sông Đà 10 tại Miền Nam - Tổng Công ty Sông Đà.

- **10/1999 - 9/2000:** Phó trưởng phòng Tài chính Kế toán Công ty Sông Đà 10 - Tổng Công ty Sông Đà.
- **10/2000 - 4/2001:** Kế toán trưởng Chi nhánh Công ty Sông Đà 10 tại Tây Nguyên - Tổng Công ty Sông Đà.
- **5/2001 - 12/2001:** Kế toán trưởng Chi nhánh Công ty Sông Đà 10 tại Miền Bắc - Tổng Công ty Sông Đà.
- **1/2002 - 12/2005:** Kế toán trưởng Công ty Sông Đà 10 - Tổng Công ty Sông Đà.
- **1/2006 đến nay:** Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Sông Đà 10 - Tổng Công ty Sông Đà.
- **Chức vụ hiện nay:** Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ phần Sông Đà 10.1, Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Sông Đà 10 - Tổng Công ty Sông Đà.

**Số Cổ phần nắm giữ:** 115.000 Cổ phần (mệnh giá: 10.000 đồng)

**Trong đó:** Sở hữu cá nhân: 5.000 Cổ phần

Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: 110.000 Cổ phần.

**Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty:** Không

## 2. ÔNG ĐOÀN VĂN TIẾN

**Giới tính:** Nam

**Ngày tháng năm sinh:** 05/07/1980

**Quốc tịch:** Việt Nam

**Dân tộc:** Kinh

**Quê quán:** Đan Phượng, tỉnh Hà Tây

**Địa chỉ thường trú:** Trung Châu, Đan Phượng, tỉnh Hà Tây

**Số điện thoại:**

**Trình độ văn hoá:** 10/10

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân tài chính Ngân hàng

**Quá trình công tác:**

- **9/2003 - 7/2004:** Chuyên viên phòng Tài chính - Kế toán, Xí nghiệp Sông Đà 10.1, Công ty Sông Đà 10 - Tổng Công ty Sông Đà.
- **08/2004 - 5/2005:** Chuyên viên phòng Tài chính - Kế toán, Công ty cổ phần Sông Đà 10.1 - Tổng Công ty Sông Đà.
- **06/2005 - 02/2006:** Phó trưởng phòng Tài chính - Kế toán, Công ty cổ phần Sông Đà 10.1 - Tổng Công ty Sông Đà.
- **03/2006 đến nay:** Thành viên Ban Kiểm soát, Phó trưởng phòng Tài chính - Kế toán, Công ty cổ phần Sông Đà 10.1

**Chức vụ hiện nay:** Thành viên Ban kiểm soát, Phó trưởng phòng Tài chính - Kế toán, Công ty cổ phần Sông Đà 10.1.

**Số Cổ phần nắm giữ:** 36.010 Cổ phần (mệnh giá: 10.000 đồng)

**Trong đó:** Sở hữu cá nhân: 2.000 Cổ phần

Đại diện sở hữu cho các cổ đông khác: 34.010 Cổ phần.

**Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty:** Không

### 3. ÔNG ĐÌNH THẾ ĐIỆP

**Giới tính:** Nam

**Ngày tháng năm sinh:** 04/11/1980

**Quốc tịch:** Việt Nam

**Dân tộc:** Kinh

**Quê quán:** Thị xã Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh

**Địa chỉ thường trú:** Tổ 3B, Khu II, P. Bắc Sơn, Thị xã Uông Bí, T. Quảng Ninh

**Số điện thoại:**

**Trình độ văn hoá:** 12/12

**Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư kinh tế quản trị doanh nghiệp dầu khí

**Quá trình công tác:**

- **T11/2002 – 07/2004:** Chuyên viên phòng Kinh tế- Kế hoạch- Xí nghiệp Sông Đà 10.1 – Công ty Sông Đà 10- Tổng công ty Sông Đà
- **T/2004 – 10/2006 :** Chuyên viên phòng Kinh tế- Kế hoạch Công ty cổ phần Sông Đà 10.1- Tổng công ty Sông Đà.
- **T11/2006 đến nay:** Thành viên Ban kiểm soát, Chuyên viên phòng Kinh tế – Kế hoạch Công ty cổ phần Sông Đà 10.1.

**Chức vụ hiện nay:** Thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Sông Đà 10.1- Tổng công ty Sông Đà.

**Số Cổ phần nắm giữ:** 4.960 Cổ phần (mệnh giá: 10.000 đồng)

**Trong đó :** Sở hữu cá nhân: 4.960 Cổ phần  
Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: 0 Cổ phần.

**Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty:** Không

**6.3. Ban Tổng Giám đốc**

**1. ÔNG NGUYỄN VĂN TÁNH**

Lý lịch được trình bày tại phần 1- Lý lịch Hội đồng quản trị

**2. ÔNG HOÀNG LÊ SỬ**

Lý lịch được trình bày tại phần 1- Lý lịch Hội đồng quản trị

**3. ÔNG THÁI DOÃN TÂN**

**Giới tính:** Nam

**Ngày tháng năm sinh:** 07/07/1963

**Quốc tịch:** Việt Nam

**Dân tộc:** Kinh

**Quê quán:** Đô Lương, tỉnh Nghệ An

**Địa chỉ thường trú:** Phường Tân Thịnh, thị xã Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình.

**Số điện thoại :** 059 716846

**Trình độ văn hoá:** 10/10

**Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư khai thác mỏ lộ thiên

**Quá trình công tác:**

- **1985 - 1989:** Nhân viên kỹ thuật Xí nghiệp lộ thiên, Công ty Xây dựng Công trình Ngầm Thủy điện Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình.
- **1990 - 1994:** Đội trưởng công trình Công ty Xây dựng Thủy điện Miền Trung - Tổng Công ty Sông Đà.
- **1995 - 1997:** Khu trưởng kiêm trưởng ban An toàn Xí nghiệp Lộ thiên Công ty Xây dựng Công trình Ngầm - Tổng Công ty Sông Đà.
- **01/1998 - 12/1998:** Phó phòng An toàn Xí nghiệp Sông Đà 10.1
- **1999 - 2001:** Phó Giám đốc Chi nhánh Công ty Sông Đà 10 tại Miền Nam - Tổng Công ty Sông Đà.
- **2001 - 7/2004:** Phó Giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 10.1, Công ty Sông Đà 10 - Tổng Công ty Sông Đà.
- **08/2004 đến nay:** Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 10.1 - Tổng Công ty Sông Đà.

**Chức vụ hiện nay:** Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 10.1 - Tổng Công ty Sông Đà.

**Số Cổ phần nắm giữ:** 10.570 Cổ phần (mệnh giá: 10.000 đồng)

**Trong đó:** Sở hữu cá nhân: 10.570 Cổ phần

Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: 0 Cổ phần.

**Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty:** Không

#### 4. ÔNG NGUYỄN VĂN MAI

**Giới tính:** Nam



**Ngày tháng năm sinh:** 04/03/1958

**Quốc tịch:** Việt Nam

**Dân tộc:** Kinh

**Quê quán:** Hà Tây

**Địa chỉ thường trú:** Phường Tân Thịnh, thị xã Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình.

**Số điện thoại:** 059 716846

**Trình độ văn hoá:** 10/10

**Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư Khai thác Mỏ hầm lò

**Quá trình công tác:**

- **2/1983 - 3/1996:** Cán bộ kỹ thuật Công ty Xây dựng Công trình Ngầm Sông Đà 10 - Tổng Công ty Sông Đà.
- **4/1996 - 9/2003:** Khu trưởng Khoan phun Công ty Sông Đà 10 - Tổng Công ty Sông Đà.
- **10/2003 - 7/2004:** Phó Giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 10.1, Công ty Sông Đà 10 - Tổng Công ty Sông Đà.
- **08/2004 đến nay:** Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 10.1- Tổng Công ty Sông Đà.

**Chức vụ hiện nay:** Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 10.1- Tổng Công ty Sông Đà.

**Số Cổ phần nắm giữ:** 8.630 Cổ phần (mệnh giá: 10.000 đồng)

**Trong đó:** Sở hữu cá nhân: 8.630 Cổ phần

Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: 0 Cổ phần.

**Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty:** Không

## 5. ÔNG PHÙNG VĂN VÂN

**Giới tính:** Nam

**Ngày tháng năm sinh:** 13/07/1953

**Quốc tịch:** Việt Nam

**Dân tộc:** Kinh

**Quê quán:** Quốc Oai, tỉnh Hà Tây

**Địa chỉ thường trú:** 56A Nguyễn Đường, Pleiku, tỉnh Gia Lai

**Số điện thoại:** 059 717003

**Trình độ văn hoá:** 10/10

**Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư chế tạo máy

**Quá trình công tác:**

- **1971 - 1972:** Sinh viên trường Đại học Bách khoa Hà Nội
- **1972 - 1975:** Chiến sỹ Quân đội Nhân dân Việt Nam, chiến sỹ thuộc C22, D177, E236, F361.
- **1975 - 1981:** Sinh viên trường Đại học Bách khoa Hà Nội.
- **1982 - 1984:** Kỹ sư, nhân viên Kỹ thuật Cơ khí, Công ty Xây dựng công trình Ngầm Thuỷ điện Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình.
- **1985 - 1990:** Đội trưởng đội Cơ khí, Công ty Xây dựng công trình Ngầm Thuỷ điện Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình.
- **1991 - 1998:** Phó Giám đốc Xí nghiệp Cơ khí, Công ty Xây dựng công trình Ngầm - Tổng Công ty Sông Đà.
- **1999 - 7/2004:** Phó Giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 10.1- Tổng Công ty Sông Đà.
- **08/2004 - 02/2006:** Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 10.1 - Tổng Công ty Sông Đà, Thuỷ điện Sê San 3, Chư Pảh, Gia Lai.
- **T03/2006 –11/2006:** Thành viên Ban Kiểm soát, Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 10.1.
- **Chức vụ hiện nay:** Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 10.1.

**Số Cổ phần nắm giữ:** 44.010 Cổ phần (mệnh giá: 10.000 đồng)

**Trong đó:** Sở hữu cá nhân: 8.960 Cổ phần

Đại diện sở hữu cổ phần của cổ đông khác: 35.050 Cổ phần.

**Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty:** Không

Ngày 21 tháng 11 năm 2006, Đại hội đồng cổ đông bất thường Công ty cổ phần Sông Đà 10.1 đã thông qua Nghị quyết số 02/NQ- ĐHĐCĐ thay thế Ông Phùng Văn Vân bằng Ông Đinh Thế Điệp làm thành viên Ban kiểm soát Công ty.

## 7. TÀI SẢN

### 7.1. Giá trị tài sản cố định theo báo cáo tài chính tại thời điểm 30/9/2006

Đơn vị tính: Đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG (%)
<b>I</b>	<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>44.216.697.430</b>	<b>20.891.304.694</b>	<b>47,24%</b>
1	Máy móc thiết bị	38.455.311.170	20.249.094.205	52,7%
2	Phương tiện vận tải truyền dẫn	5.136.306.670	503.888.842	9,8%
3	Thiết bị dụng cụ quản lý	587.519.590	138.321.647	23,5%
4	Các loại tài sản cố định hữu hình khác	37.560.000	0	0,0%
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>5.187.900.000</b>	<b>3.858.401.250</b>	<b>74,4%</b>
<b>Cộng</b>		<b>49.404.597.430</b>	<b>24.749.705.944</b>	<b>50,1%</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2005 và BCTC 09 tháng đầu năm 2006)

- Nguyên giá tài sản cố định tại thời điểm 30 tháng 9 năm 2006 là 44.216.697.430 đồng, tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2005 là 23.864.275.051 đồng. Tăng 20.352.422.379 đồng là do Công ty đã đầu tư đổi mới máy móc thiết bị bằng nguồn vốn vay dài hạn Ngân hàng thương mại.
- Khoản mục tài sản cố định vô hình tại thời điểm 30/9/2006 bao gồm:

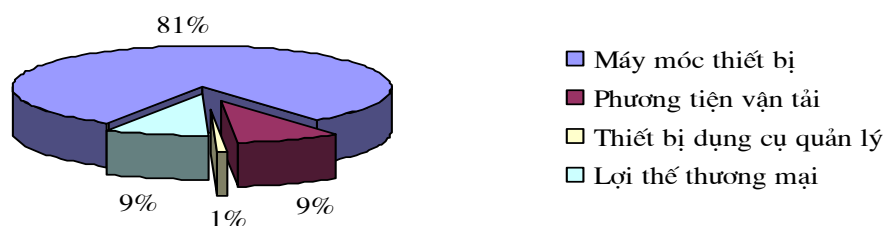
✓ Giá trị lợi thế thương mại 3.287.900.000 đồng. Được xác định theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp Công ty cổ phần Sông Đà 10.1 ngày 31/12/2003, như sau:

- Giá trị phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2001 là 0 đồng, tại thời điểm 31/12/2002 là 0 đồng, tại thời điểm 31/12/2003 là 700.000.000 đồng;
- Lợi nhuận sau thuế năm 2001 là 598.382.425 đồng, lợi nhuận sau thuế năm 2002 là 1.072.869.359 đồng, lợi nhuận sau thuế năm 2003 là 1.681.587.364 đồng;
- Tỷ suất lợi nhuận bình quân sau thuế ba năm trên vốn Nhà nước : 479 %;
- Lãi suất trái phiếu Chính phủ 10 năm là: 9,3%
- Giá trị lợi thế kinh doanh ghi tăng vốn Nhà nước tại doanh nghiệp là:

$$3.287.900.000 \text{ đồng} = 700.000.000 \text{ đồng} \times (479\% - 9,3\%)$$

✓ Giá trị thương hiệu Tổng công ty Sông Đà 1.900.000.000 đồng (được xác định bằng 10% vốn điều lệ) theo các căn cứ pháp lý đã nêu ở mục 5.3 bản cáo bạch.

### Cơ cấu tài sản cố định của Công ty



Máy móc thiết bị chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng giá trị tài sản cố định của Công ty. Trong giai đoạn từ năm 2000 đến 2005, đơn vị đã thực hiện đầu tư mới hàng loạt máy móc, thiết bị với công nghệ thi công hiện đại. Hệ thống máy móc đầu tư mới là một trong những yếu tố quan trọng nâng cao năng suất lao động, đẩy nhanh tiến độ thực hiện

dự án và đảm bảo chất lượng công trình. Đây chính là điểm vượt trội của Công ty so với các Công ty khác cùng ngành.

Hệ thống máy móc, thiết bị thi công của Công ty, hầu hết có xuất xứ từ các hãng nổi tiếng trên thế giới, được đầu tư mới trong những năm gần đây, sử dụng hợp lý theo quy trình Công ty đề ra, giá trị còn lại rất lớn.

## 7.2. Danh mục các tài sản chính của Công ty tại thời điểm 30/09/2006

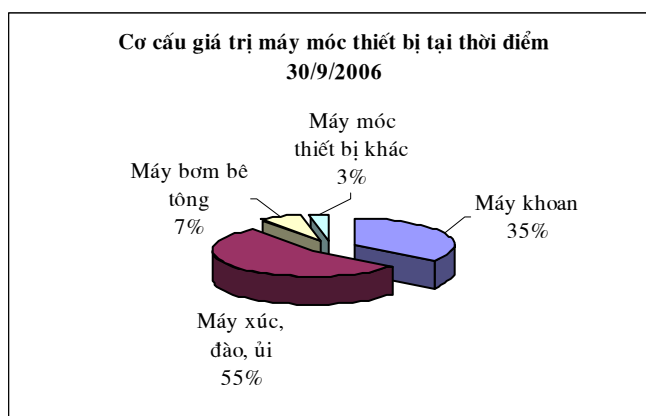
**Bảng 11. Danh mục tài sản chính của Công ty tại thời điểm 30/9/2006**

STT	Tên tài sản	Nước sản xuất	Nguyên giá	Giá trị còn lại
<b>A</b>	<b>Máy móc thiết bị</b>		<b>48,073,522,616</b>	<b>29,867,305,651</b>
<b>I</b>	<b>Máy xúc</b>		<b>4,906,439,826</b>	<b>4,579,343,826</b>
1	Máy xúc lật KAWASAKI Model 80ZIV-2 số 01	Nhật bản	2,453,219,913	2,289,671,913
2	Máy xúc lật KAWASAKI Model 80ZIV-2 số 02	Nhật bản	2,453,219,913	2,289,671,913
<b>II</b>	<b>Máy bơm bê tông</b>		<b>4,697,720,351</b>	<b>4,046,793,195</b>
1	Máy bơm bê tông HB 50 số 01	Nga	109,523,809	71,190,472
2	Máy bơm vữa bê tông HB 50 số 02	Nga	109,523,809	71,190,472
3	Máy bơm vữa bê tông HB 32 số 01	Nga	109,523,809	71,190,472
4	Máy bơm vữa bê tông HB 32 số 02	Nga	109,523,809	71,190,472
5	Máy bơm vữa bê tông HB 32 số 08	Nga	47,619,047	1,598,143
6	Máy bơm vữa bê tông HB 32 số 09	Nga	47,619,047	1,598,143
7	Máy bơm bê tông Nhật PT80-30M số 05P107001M	Nhật bản	1,918,769,970	1,726,889,970
8	Máy bơm bê tông Nhật PT80-30M số 05P107002M	Nhật bản	1,918,769,970	1,726,889,970
9	Máy bơm vữa bê tông trục vít S30-R210-HD40 số 01	Nhật bản	163,423,540	152,527,540
10	Máy bơm vữa bê tông trục vít S30-R210-HD40 số 02	Nhật bản	163,423,540	152,527,540
<b>III</b>	<b>Máy khoan</b>		<b>33,975,083,482</b>	<b>19,530,500,905</b>
1	Máy khoan khí nén HKP 100 MIA số 01	Nga	203,280,000	19,654,609
2	Máy khoan khí nén HKP 100 ME số 02	Nga	205,510,800	
3	Máy khoan khí nén HKP 100 ME số 03	Nga	205,510,800	
4	Máy khoan khí nén HKP 100 ME số 04	Nga	205,510,800	
5	Máy khoan khí nén HKP 100 ME số 05	Nga	205,510,800	
6	Máy khoan hở ATLAS COPCO 542HP-01	Thụy Điển	2,117,935,000	
7	Máy khoan Thủy lực RANGER 700 số 1	Phần Lan	4,347,274,074	434,727,404
8	Máy khoan Thủy lực Tamrock CHA 550 số 3	Phần Lan	2,366,888,619	
9	Máy khoan Thủy lực PANTERA số 1	Phần Lan	4,854,946,017	
10	Máy khoan bê tông TE 76 1300W	Thụy Điển	26,293,680	0

11	Máy khoan hầm hiệu Boomer L2D số 01	Thụy Điển	9,618,211,446	9,457,907,446
12	Máy khoan hầm hiệu Boomer L2D số 02	Thụy Điển	9,618,211,446	9,618,211,446
<b>IV</b>	<b>Máy ép khí</b>		<b>227,419,150</b>	<b>100,967,526</b>
1	Máy ép khí SULAIET-LS số 01	Mỹ	175,966,563	0
2	Máy ép khí SULAIER-375 số 04	Mỹ	324,426,250	100,967,526
3	Máy ép khí Ingersoland XP750WCU số 4	Mỹ	659,465,957	
4	Máy ép khí di động Boger S220 số 01	Mỹ	647,720,862	
5	Máy ép khí P600 WCU số 01	Nhật	469,839,518	
<b>V</b>	<b>Quạt gió</b>		<b>1,138,791,466</b>	<b>1,062,871,466</b>
1	Quạt gió Pháp 2 cấp Model T2.9.150 KW số 01	Pháp	569,395,733	531,435,733
2	Quạt gió Pháp 2 cấp Model 2.9.150KW số 02	Pháp	569,395,733	531,435,733
<b>VI</b>	<b>Máy bơm</b>		<b>69,999,333</b>	
1	Máy bơm nước hố móng Nhật KTZ số 01	Nhật bản	23,333,333	
2	Máy bơm Nhật KTZ 35,5 số 2	Nhật bản	46,666,000	
<b>VII</b>	<b>Máy phát điện</b>		<b>251,725,600</b>	<b>226,549,600</b>
	Máy phát điện di động Duetz Model MDE-110	Đức	251,725,600	226,549,600
<b>VIII</b>	<b>Máy tiện, doa, xọc, máy phay, bào và máy khoan</b>		<b>52,645,000</b>	
	Máy tiện vạn năng 16K20		52,645,000	
<b>IX</b>	<b>Máy mài, ca cắt, máy búa và máy uốn tôn</b>		<b>171,869,820</b>	<b>587,795</b>
1	Máy mài mũi khoan New Junior số 2	ý	114,760,020	587,795
2	Máy đập tuy ô thủy lực số 1	ý	57,109,800	
<b>X</b>	<b>Máy trắc địa</b>		<b>531,828,588</b>	<b>319,691,338</b>
1	Máy kinh vĩ điện tử DT6 số 2		38,714,227	
2	Máy kinh vĩ điện tử DT6 số 1		43,127,200	
3	Máy kinh vĩ điện tử DT 6000		36,327,273	
4	Máy đo thủy chuẩn C32 số 02		12,009,888	
5	Máy toàn đạc điện tử Leica TCR	Thụy Sĩ	225,200,000	172,653,338
6	Máy toàn đạc điện tử TCR 405 Leica	Thụy Sĩ	176,450,000	147,038,000
<b>B</b>	<b>Phương tiện vận tải truyền dẫn</b>		<b>5,136,306,670</b>	<b>503,888,842</b>
<b>I</b>	<b>Ôtô vận tải loại 1</b>		<b>1,194,154,310</b>	<b>0</b>
1	Ôtô Ben Maz 1	Nga	336,961,461	
2	Ôtô Ben Maz 2	Nga	336,961,461	
3	Ôtô Kamaz 1	Nga	272,998,212	
4	Ôtô Kamaz 2	Nga	247,233,176	
<b>II</b>	<b>Ôtô chở xăng dầu</b>		<b>298,784,750</b>	<b>5,809,723</b>
	Ôtô KPAZ tốc	Nga	298,784,750	5,809,723
<b>III</b>	<b>Ôtô vận tải loại 2</b>		<b>1,334,132,380</b>	<b>37,276,046</b>

1	Ôtô Kamaz	Nga	345,859,047	3,448,836
2	Ôtô tải nhẹ Isuzu	Việt Nam	216,061,000	
3	Ôtô cần trục KTA	Nga	772,212,333	33,827,210
<b>IV</b>	<b>Xe chở khách</b>		<b>797,352,380</b>	<b>0</b>
	Ôtô khách Transinco 1	Việt Nam	398,676,190	
	Ôtô khách Transinco 2	Việt Nam	398,676,190	
<b>V</b>	<b>Xe du lịch 4 chỗ ngồi</b>		<b>1,511,882,850</b>	<b>460,803,073</b>
1	Ôtô Uoat bật	Nga	50,000,000	
2	Ôtô Vina Uoat 1	Việt Nam	187,553,334	44,146,367
3	Ôtô Vina Uoat 2	Việt Nam	178,553,334	39,675,834
4	Ôtô du lịch Isuzu Trooper	Việt Nam	623,524,000	
5	Xe du lịch For Ranger	Việt Nam	481,252,182	376,980,872
	<b>Tổng cộng</b>		<b>53,209,829,286</b>	<b>30,371,194,493</b>

( Nguồn: Công ty Cổ phần Sông Đà 10.1



## 8. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Định hướng phát triển sản xuất kinh doanh giai đoạn 2006-2010 của Công ty Cổ phần Sông Đà 10.1 đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua, với các mục tiêu cơ bản trong hoạt động sản xuất kinh doanh như sau:

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất kinh doanh bình quân hàng năm: 14-15%
- Đảm bảo việc làm và thu nhập bình quân của người lao động 3,5 triệu đồng/người/tháng.
- Cổ tức chia cho các cổ đông vào năm 2010: 20%

Trên cơ sở các mục tiêu đó, Công ty Cổ phần Sông Đà 10.1 đã xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2006 - 2008 mang tính thực tiễn và khả thi cao.

**Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức:**

**Bảng 12. Một số chỉ tiêu tài chính của Công ty giai đoạn 2007 - 2008**

Chỉ tiêu	Năm 2006		Năm 2007		Năm 2008	
	Giá trị	% tăng (giảm)	Giá trị	% tăng (giảm)	Giá trị	% tăng (giảm)
Tổng doanh thu	104.888 trđ	49%	118.520 trđ	13%	133.940 trđ	13%
Lợi nhuận sau thuế	8.166 trđ	2,7%	9.230trđ	13,7%	10.470 trđ	13,5%
Lợi nhuận sau thuế/ doanh thu	7,79%	-3,51%	7,79%	0%	7,82%	0,03%
Lợi nhuận sau thuế/ vốn chủ sở hữu	42,98%	15,58%	36,91%	-6,07%	41,89%	4,98%
Tỷ lệ cổ tức	18%	0%	18,25%	0,25%	18,5%	0,25%

( Nguồn: Công ty cổ phần Sông Đà 10.1)

**9. CÁC CĂN CỨ ĐỂ ĐẠT ĐƯỢC KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN**

- Trong giai đoạn 2006- 2008 Công ty sẽ tiến hành đầu tư hiện đại hóa năng lực sản xuất máy móc, thiết bị với tổng mức đầu tư là 16,8 tỷ. Các khoản đầu tư này chắc chắn sẽ đem lại hiệu quả lớn vì công ty là đơn vị thi công cơ giới chủ lực tại Miền Trung Tây Nguyên, do đó các máy móc thiết bị mới sẽ được khai thác sử dụng hết công suất.
- Bên cạnh đó, các máy móc thiết bị hiện nay sắp hết khấu hao, làm giảm giá thành ca máy, vì thế doanh nghiệp xây dựng doanh thu ở mức ổn định nhưng lợi nhuận sẽ ra tăng trong những năm sắp tới.
- Tốc độ tăng trưởng doanh thu bình quân năm trong thời kỳ 2004-2006 khoảng 25% năm, với những hợp đồng đã ký kết và những kế hoạch sẽ được Tổng Công ty giao thì mức doanh thu xây dựng như trên là ở mức thấp nhất, thực tế có thể cao hơn.



- Theo những số liệu hiện có, trong giai đoạn 2006- 2010, Công ty sẽ thực hiện khối lượng công việc có tổng giá trị khoảng 749 tỷ đồng.

**Bảng 13. Bảng giá trị các công trình thi công từ năm 2006 đến 2010**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung công việc	Tổng cộng	Năm				
			2006	2007	2008	2009	2010
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>749.980</b>	<b>150,256</b>	<b>107.917</b>	<b>134.432</b>	<b>167.274</b>	<b>190.101</b>
<b>A</b>	<b>GIÁ TRỊ XÂY LẮP</b>	<b>742.048</b>	<b>148.324</b>	<b>106.417</b>	<b>132.932</b>	<b>165.774</b>	<b>188.601</b>
<b>I</b>	<b>CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÓ HỢP ĐỒNG</b>	<b>419.688</b>	<b>148.324</b>	<b>89.896</b>	<b>72.885</b>	<b>61.571</b>	<b>47.012</b>
1	Thủy điện Đồng Nai 4	284.011	67,759	71,956	54,945	48,350	41,001
2	Thủy điện Sê San 3	4,722	4,722				
3	Thủy điện Sê San 4	40,887	40,887				
4	Thủy điện Pleikrông	6,221	6,221				
5	Thủy điện Sê San 3A	218	218				
6	Thủy điện Srok Phu Miêng	1,805	1,805				
7	Thủy điện Krông Kma	12,431	12,431				
8	Công trình thủy điện An Khê - Kanak	64,285	9,173	17,940	17,940	13,221	6,011
9	Thủy điện Tuyên Quang	2,666	2,666				
10	Thủy điện Nậm Chiến	258	258				
11	Thủy lợi, thủy điện Cửa Đạt	2,184	2,184				
<b>II</b>	<b>CÁC CÔNG TRÌNH CHƯA CÓ HỢP ĐỒNG</b>	<b>322,360</b>		<b>16,521</b>	<b>60,047</b>	<b>104,203</b>	<b>141,589</b>
1	Thủy điện Đăk Mi 4	261,360		7,124	42,846	87,002	124,388
2	Thủy điện Sê Ka Mản 1	61,000		9,397	17,201	17,201	17,201
<b>B</b>	<b>Giá trị sản xuất khác</b>	<b>7,932</b>	<b>1,932</b>	<b>1,500</b>	<b>1,500</b>	<b>1,500</b>	<b>1,500</b>

( Nguồn: Công ty cổ phần Sông Đà 10.1)

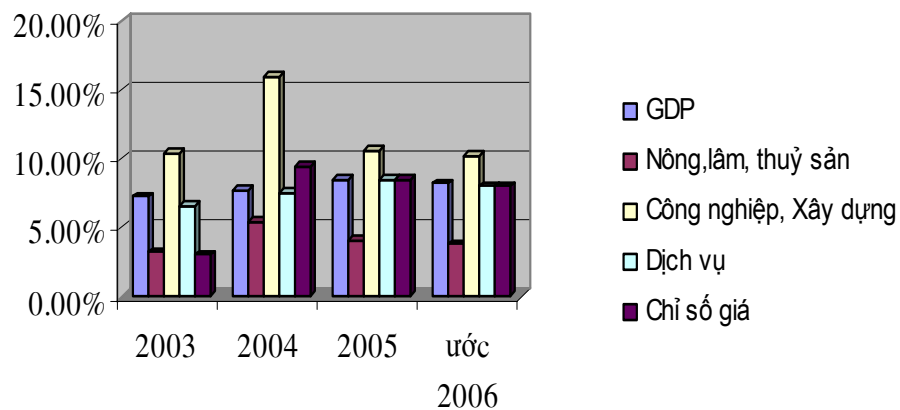
## 10. ĐÁNH GIÁ CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN VỀ KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN

Với tư cách là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty TNHH Chứng Khoán ACB đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu phân tích và đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Sông Đà 10.1.

Chúng tôi cho rằng mức kế hoạch doanh thu và lợi nhuận của Công ty là hoàn toàn có thể thực hiện được vì các lý do sau:

- Nền kinh tế Việt Nam đang trong giai đoạn tăng trưởng cao, tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm trên 7%. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, tỷ trọng đầu tư cho lĩnh vực xây dựng, công nghiệp là lớn nhất so với các lĩnh vực khác. Tốc độ tăng GDP của nhóm ngành công nghiệp cũng luôn cao hơn so với các ngành khác.

Tăng trưởng GDP và các khu vực



- Thị trường tiêu thụ điện năng hàng năm của Việt Nam tăng trung bình từ 15-17%/năm. Theo chiến lược phát triển điện lực quốc gia từ nay đến năm 2020 Nhà nước sẽ xây dựng tại Miền Trung Tây Nguyên 33 nhà máy thủy điện lớn nhỏ các loại, tạo ra một thị trường rộng lớn cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây lắp trên địa bàn.
- Công ty Cổ phần Sông Đà 10.1 là Công ty con của Công ty Sông Đà 10 - một doanh nghiệp dẫn đầu trong lĩnh vực xây dựng công trình ngầm với quy mô, trình độ quản trị, công nghệ thi công, thương hiệu... , nên nằm trong tổng thể chiến lược đúng đắn của Công ty mẹ và thường xuyên nhận được sự hỗ trợ từ Công ty mẹ.
- Tổng Công ty Sông Đà là đơn vị chủ đạo trong thi công các công trình thủy điện lớn của đất nước. Vì vậy Công ty cổ phần Sông Đà 10.1 sẽ được hưởng những lợi thế to lớn nêu trên từ Công ty mẹ và Tổng Công ty, tạo nguồn công việc ổn định cho Công ty trong thời gian trước mắt cũng như lâu dài.
- Tốc độ tăng trưởng doanh thu của Công ty thời kỳ 2004-2006 bình quân trên 20%, tốc độ tăng trưởng doanh thu hàng năm do công ty xây dựng cho thời kỳ 2006 đến

2008 duy trì theo mức doanh thu của năm 2006 là thận trọng và đảm bảo tính khả thi cao.

- Cũng tương tự như vậy, kế hoạch lợi nhuận các năm 2006 đến 2008 không biến động nhiều vì công ty dự tính lợi nhuận hàng năm theo một tỷ lệ hợp lý trên doanh thu, bằng phương pháp thống kê kinh nghiệm của những năm trước có tính đến những nhân tố ảnh hưởng trong tương lai.
- Trong giai đoạn 2006 - 2010, Công ty định hướng sẽ đầu tư nâng cao năng lực máy móc, thiết bị thi công và thực hiện đầu tư xây dựng nhà xưởng, trụ sở làm việc. Đây là những nguồn thu sẽ đóng góp không nhỏ vào doanh thu của doanh nghiệp trong giai đoạn 2006- 2010.
- Nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty, thì kế hoạch lợi nhuận và cổ tức mà công ty đưa ra là có tính khả thi và có thể đảm bảo thực hiện.

*Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở các thông tin do đơn vị cung cấp và thu thập có chọn lọc, dựa trên những lý thuyết về tài chính và chứng khoán mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo.*

## **11. THÔNG TIN VỀ NHỮNG CAM KẾT NHUNG CHƯA THỰC HIỆN CỦA TỔ CHỨC XIN ĐĂNG KÝ**

Không có

## **12. CÁC THÔNG TIN, CÁC TRANH CHẤP KIẾN TỤNG LIÊN QUAN TỚI CÔNG TY MÀ CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ**

Không có

#### IV. CỔ PHIẾU ĐĂNG KÝ

1. LOẠI CỔ PHIẾU	CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG
2. MỆNH GIÁ	10.000 ĐỒNG
3. TỔNG SỐ CHỨNG KHOÁN	1.900.000 CỔ PHẦN

#### 4. PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ

Giá trị sổ sách công ty

Tai thời điểm 31/12/2005 (Mệnh giá 10.000 đồng/ Cổ phần)

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Nguồn vốn, quỹ}}{\text{Số cổ phần đang lưu hành}} = \frac{29.037.548.129}{1.900.000} = 15.283 \text{ đồng}$$

Tai thời điểm 30/09/2006 (Mệnh giá 10.000 đồng / Cổ phần)

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Nguồn vốn, quỹ}}{\text{Số cổ phần đang lưu hành}} = \frac{31.578.926.014}{1.900.000} = 16.620 \text{ đồng}$$

#### 5. GIỚI HẠN VỀ TỶ LỆ NẮM GIỮ ĐỐI VỚI NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Công ty hiện chưa có cổ đông nước ngoài nào sở hữu cổ phiếu. Điều lệ Công ty không quy định giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của Công ty đối với người nước ngoài.

Sau khi đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân theo quy định tại Quyết định số 238/2005/QĐ-TTg ngày 29/09/2005 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào Thị trường Chứng khoán Việt Nam, trong đó qui định tổ chức, cá nhân nước ngoài mua, bán cổ phiếu trên Thị trường Chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu đăng ký giao dịch của tổ chức phát hành.

## 6. CÁC LOẠI THUẾ CÓ LIÊN QUAN

Theo Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về chuyển Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần. Các Công ty này sẽ được hưởng ưu đãi thuế như đối với doanh nghiệp thành lập mới theo quy định hiện hành.

Theo Danh mục C ban hành kèm theo Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003, Công ty xác định thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi đối với doanh nghiệp Nhà nước cổ phần hoá, có số lao động lớn hơn 100 và thành lập tại địa bàn đặc biệt khó khăn là 15% trong vòng 12 năm kể từ khi thành lập. Thông tư 89/2002/TT- BTC ngày 24/10/2002 quy định Công ty thành lập mới được miễn 100% thuế TNDN trong 2 năm đầu kể từ khi thành lập và giảm 50% trong 8 năm tiếp theo. Kỳ hoạt động từ ngày 01/08/2004 đến 31/12/2004 có thời gian nhỏ hơn 6 tháng, do vậy Công ty đã lựa chọn năm miễn thuế đầu tiên bắt đầu từ năm 2005. Như vậy, Công ty sẽ được miễn thuế 100% trong 02 năm 2005 và 2006. Được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 08 năm từ 2007 đến 2014.

Theo Công văn số 5248/TC-CST Bộ tài chính ngày 29/4/2005 về việc ưu đãi thuế Thu nhập doanh nghiệp cho tổ chức đăng ký giao dịch tại TTGDCK Hà Nội, Công ty Cổ phần Sông Đà 10.1 sẽ được giảm 50% số thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 2 năm kể từ khi được chấp thuận việc đăng ký giao dịch. Trong trường hợp công ty đang được hưởng thuế TNDN thì ưu đãi này được bắt đầu tính từ khi kết thúc những ưu đãi hiện doanh nghiệp đang được hưởng. Theo đó, Công ty tiếp tục được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong các năm 2015 đến 2016.

Thuế suất thuế TNDN là 15% ( Trong vòng 12 năm kể từ ngày thành lập).

Các loại thuế khác: Công ty tuân thủ theo các Luật thuế của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện hành.

## V. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ

### 1. TỔ CHỨC TƯ VẤN

#### CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB- CHI NHÁNH HÀ NỘI

Trụ sở: 95 Trần Quốc Toản, Trần Hưng Đạo, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 9 429 396

Fax: (84-4) 9 429 408

Email: [acbshn@hn.vnn.vn](mailto:acbshn@hn.vnn.vn)

Website: [www.acbs.com.vn](http://www.acbs.com.vn)

## 2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

### CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN HỒNG HÀ

Trụ sở: 72 An Dương, Tây Hồ, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 8 239 118

Fax: (84-4) 7 171 086

Email: [hh\\_auditing@yahoo.com](mailto:hh_auditing@yahoo.com)

## VI. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

### 1. RỦI RO VỀ KINH TẾ

Tốc độ tăng trưởng của Công ty chịu sự ảnh hưởng mạnh bởi tình hình tăng trưởng chung của nền kinh tế và ngành xây dựng, đặc biệt là xây dựng thủy điện. Theo các chuyên gia kinh tế, nền kinh tế Việt Nam trong những năm tới sẽ tiếp tục hội nhập sâu rộng với kinh tế thế giới và giữ được tốc độ tăng trưởng cao. Cung cầu về điện trong nền kinh tế hiện nay đang ở tình trạng mất cân bằng, cung nhỏ hơn cầu. Định hướng của Đảng và Nhà nước trong những năm tới sẽ đẩy mạnh đầu tư phát triển hạ tầng nguồn điện đặc biệt là thủy điện trên cả nước mà Miền Trung Tây Nguyên là một trọng điểm, tạo thuận lợi cho sự phát triển của các doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng thủy điện. Vì thế, rủi ro về kinh tế không phải là rủi ro lớn đối với Công ty.

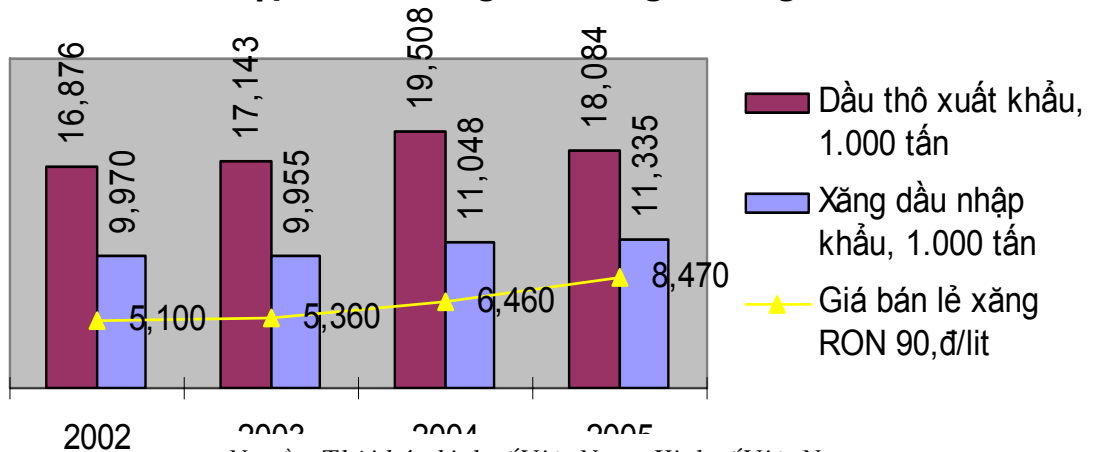
### 2. RỦI RO VỀ LUẬT PHÁP

Hiện tại hoạt động của công ty Cổ phần Sông Đà 10.1 chịu sự điều chỉnh của Luật doanh nghiệp. Nếu được chấp thuận giao dịch tại Trung tâm giao dịch Chứng khoán Hà Nội, hoạt động của công ty sẽ tuân thủ theo sự điều chỉnh của Nghị định và các Quy định về Chứng khoán và Thị trường chứng khoán. Từ đầu năm 2007, nếu cổ phiếu được giao dịch tại trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội, hoạt động của doanh nghiệp sẽ được điều chỉnh bởi luật chứng khoán. Nhìn chung trong thời gian tới rủi ro luật pháp đối với doanh nghiệp là không cao do luật chứng khoán ra đời sẽ có tính ổn định, nhất quán cao hơn các Nghị định và Quy định từ trước đến nay hiện vẫn đang áp dụng.

### 3. RỦI RO ĐẶC THÙ

Do đặc thù là doanh nghiệp thi công công trình ngầm, hoạt động chủ yếu dựa vào hệ thống máy móc thiết bị nặng, hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp phụ thuộc rất nhiều vào sự ổn định về giá cả của các loại nhiên liệu đầu vào để vận hành các loại máy móc, thiết bị. Trong những năm gần đây, tình hình chính trị trên thế giới có nhiều bất ổn, xung đột vũ trang xảy ra thường xuyên ở một số khu vực, đặc biệt là tại vùng Trung Đông, là nguyên nhân chính làm cho giá nhiên liệu có xu hướng ngày càng tăng. Đây là rủi ro lớn nhất đối với doanh nghiệp, để giảm thiểu những ảnh hưởng tiêu cực này, trong thời gian vừa qua doanh nghiệp đã tìm cách chủ động dự báo tình hình biến động giá, đa dạng hoá nguồn cung cấp và có kế hoạch dự trữ thường xuyên nhiên liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

#### Xuất nhập khẩu xăng dầu và giá xăng



Nguồn: Thời báo kinh tế Việt Nam- Kinh tế Việt Nam  
năm 2005-2006

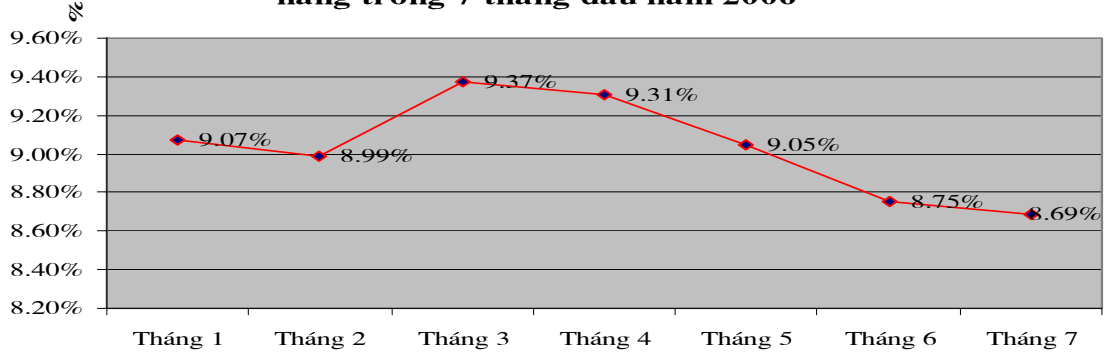
### 4. RỦI RO KHÁC

#### Rủi ro lãi suất

Như đã phân tích, tỷ trọng các khoản nợ phải trả chiếm phần lớn trong cơ cấu nguồn vốn của doanh nghiệp. Việc sử dụng đòn bẩy tài chính lớn sẽ làm ra tăng chi phí lãi vay trong hoạt động của Công ty. Tình hình biến động lãi suất trong nền kinh tế thời gian vừa qua cho thấy lãi suất vẫn đang có chiều hướng tăng, mặc dù vẫn chịu sự kiểm soát vĩ mô của ngân hàng Nhà nước. Lãi suất tăng làm tăng chi phí và giảm hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, để hạn chế những rủi ro này, Công ty nên tìm cách tái cấu trúc nguồn vốn theo hướng tăng dần tỷ trọng vốn chủ sở hữu, sau khi tham gia thị trường

chứng khoán, Công ty sẽ có những thuận lợi rất lớn để thực hiện được mục tiêu này thông qua việc huy động vốn từ công chúng đầu tư.

**Biến động lãi suất kỳ hạn 6 tháng trên thị trường liên ngân hàng trong 7 tháng đầu năm 2006**

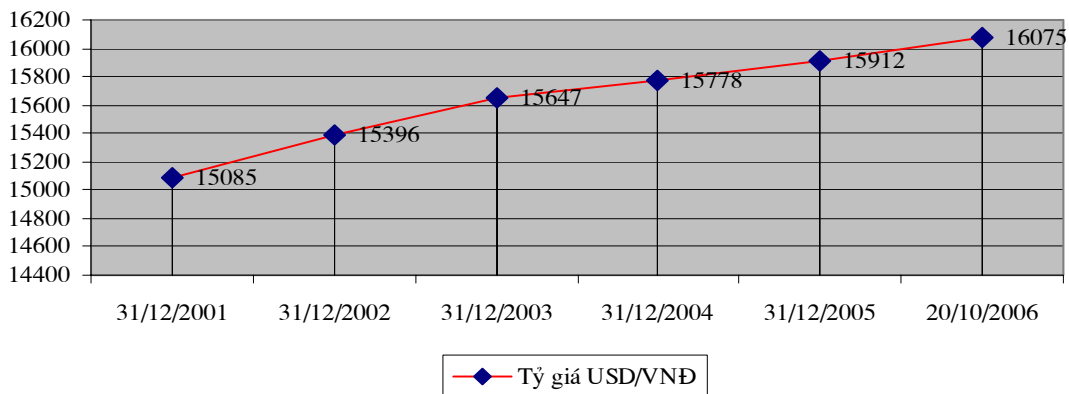


Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

### Rủi ro tỷ giá hối đoái

Các máy móc, thiết bị của Công ty chủ yếu được nhập khẩu từ các nước tiên tiến trên thế giới, các giao dịch nhập khẩu thường phải thanh toán bằng ngoại tệ, sự ổn định tỷ giá giữa đồng nội tệ so với các loại ngoại tệ sẽ ảnh hưởng đến giá trị những tài sản mà công ty phải nhập khẩu từ nước ngoài. Để hạn chế rủi ro này, công ty đã tiến hành mua bảo hiểm rủi ro tỷ giá mỗi khi có các giao dịch nhập khẩu máy móc thiết bị với các đối tác nước ngoài, dự báo biến động tỷ giá, và lên kế hoạch dự trữ ngoại tệ phục vụ cho hoạt động kinh doanh.

**Biến động tỷ giá USD so với VNĐ trong những năm qua**



Nguồn: acb.com.vn



## Rủi ro vận hành

Để đáp ứng yêu cầu của khách hàng, chủ đầu tư đảm bảo tiến độ thi công các công trình, hạng mục công trình, nhiều khi Công ty phải tiến hành thi công trong những điều kiện thời tiết xấu, địa hình phức tạp, có thể làm hỏng hóc và ngưng trệ hoạt động của các máy móc thiết bị thi công, ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

## VII. PHỤ LỤC

**1. PHỤ LỤC I:** Điều lệ Công ty.

**2. PHỤ LỤC II:** Báo cáo tài chính năm 2005 đã kiểm toán, Báo cáo tài chính 09 tháng đầu năm 2006.

**3. PHỤ LỤC III:** Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty về việc đăng ký giao dịch cổ phiếu, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường về việc thay thế thành viên Ban kiểm soát.

**4. PHỤ LỤC IV:** Giấy phép đăng ký kinh doanh.

**5. PHỤ LỤC V:** Danh sách cổ đông Công ty tại thời điểm 25/10/2006.